

LAM KHÊ - KHÁNH MINH
(Sưu tầm, biên soạn)



HÀ NỘI

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



**CÁC CÔNG TRÌNH
TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG**

Chùa Một Cột

Địa chỉ: Phố Chùa Một Cột, quận Ba Đình.

Chùa được xây dựng năm 1049, ở phía Tây Bắc Kinh thành, nay là sau lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, gần quảng trường Ba Đình (ở giữa mang tên chùa). Chùa còn có tên là Liên Hoa Đài (đài Hoa sen). Tương truyền vua Lý Thái Tông nằm mộng thấy Phật ngồi trên tòa sen dắt nhà vua lên. Nhà vua bèn cho dựng ngôi chùa mang dáng bông sen nở ở giữa hồ Linh Chiểu để cầu phật cho sống lâu gọi là chùa Diên Hựu.

Chùa xây trên một cột đá nên thường gọi là Nhất Trụ (Một Cột). Kiến trúc khá độc đáo. Toàn bộ ngôi chùa bằng gỗ, hình vuông, mỗi cạnh 3m, đặt trên một cột đá tròn cao 4m, đường kính 1,25m. Trong chùa đặt pho tượng Phật Quan Âm bằng vàng. Năm 1105, nhà Lý sửa lại chùa, xây



hành lang bao quanh, lại đào hồ Khang Bích bao bọc bốn bề, bốn phía đều có cầu bắc qua, đầu cầu dựng hai ngọn tháp lợp ngói sứ trắng. Hành lang và cầu tới nay đều không còn.

Bên cạnh đó có ngôi chùa cũng lấy tên Diên Hựu mới xây vào thế kỷ 18. Năm 1108, Lý Nhân Tông cho đúc một quả chuông lớn định để treo ở chùa Diên Hựu (tức Một Cột), đúc xong đánh không kêu bèn để ở ruộng cạnh chùa cho rùa chui ra chui vào nên có tên là chuông Quy Điền. Chuông này sau khi bị giặc Minh phá đúc súng đạn năm 1427. Chùa Một Cột là một trong những ngôi chùa đẹp của Thủ Đô.

Ngày 11/9/1954, trước khi rút khỏi thành phố, giặc Pháp và tay sai đã cho đặt mìn phá hủy ngôi chùa này. Ngay sau khi tiếp quản Thủ đô, Chính phủ ta đã cho dựng lại như cũ, bảo tồn một di sản kiến trúc. Công việc hoàn thành vào tháng 4 năm 1955. Trước chùa Một Cột có trồng một cây Bồ Đề từ đất phật, đây là quà tặng của Tổng thống Ấn Độ khi Hồ Chủ tịch sang thăm nước này năm 1958.



Chùa Trấn Quốc

Địa chỉ: đường Thanh Niên, quận Ba Đình.

Chùa Trấn Quốc vào loại rất cổ, ở phía đông hồ Tây, bên đường Thanh Niên, xây dựng trên hòn đảo xưa có tên là Kim Ngư (cá vàng, tại nền cũ của cung Thủy Hoa thời Lý và điện Hàm Thuyên đời Trần).

Theo văn bia, chùa này xưa ở bãi Yên Hoa ngoài sông Hồng, gọi là chùa Khai Quốc hoặc An Quốc, dựng từ đời Lý Nam Đế (544-548), được xếp hạng thứ tư của nước Nam. Năm 1615 bãi sông bị lở, chùa mới dời về đây. Năm 1628 thời Lê, chùa được trùng tu và đổi tên là Trấn Quốc, đồng thời đắp con đường nối với đảo với đê Cổ Ngư (nay là đường Thanh Niên).

Năm 1639, Chúa Trịnh sửa lại, làm tam quan, xây hành lang hai bên, trồng sen quanh chùa và

biến thành cung đọc quyền của Trịnh Giang, Trịnh Sâm vui chơi.

Cuối thế kỷ 18, chùa đổ nát, dân làng chừa lại, đắp tượng, đúc chuông làm từ năm 1831 đến 1815 mới xong. Kiến trúc độc đáo khác các chùa: trước là Bái đường, đến Tam Bảo sau mới là dãy hành lang nhập điện bao gác chuông.

Chùa còn 39 tượng Phật, 24 tượng tăng, đẹp nhất là tượng Thích Ca nhập Niết bàn bằng gỗ thếp vàng (Phật nằm).

Sau chùa có nhiều mộ tháp cổ từ đời Vĩnh Hựu và Cảnh Hưng (Thế kỷ 18). Trong các bia cổ, đáng lưu ý là bia dựng Dương Hòa thứ 5 (1639) do trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính soạn. Cửa chùa hiện nay có 3 chữ "Phương Tiện môn" và đôi câu đối chữ Nôm:

Vang tai xe ngựa qua đường tục

Mở mặt non sông đứng cửa thiền.



Chùa Quán Sứ

Địa chỉ: Số 73 phố Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm

Chùa Quán Sứ ở thôn An Tập, huyện Thọ Xương xưa. Chùa có vào khoảng thế kỷ 17, vốn là ngôi chùa nhỏ nằm phụ vào Quán Sứ – thành lập từ thế kỷ 15, đầu nhà Lê để làm nơi đón tiếp các sứ thần ngoại quốc đến giao thiệp với triều đình và trú lại Thăng Long. Năm 1934, Phật giáo Bắc Kỳ đóng Hội quán. Tới năm 1942, hội Phật Giáo Việt Nam ra đời lấy chùa Quán Sứ làm trụ sở trung ương, cho nên đã xây dựng lại khang trang và có tính hiện đại như ngày nay. Chùa có bia tạc năm 1842 do Lê Duy Trung soạn có đoạn “Tiền đường thờ Phật, hậu đường thờ Lý Quốc Sư”. Đầu đời Gia Long, Thăng Long đổi ra Bắc Thành, chia đặt lại các đồn quân. Chùa ở giáp đồn Hậu Quân.



Tiền đường của chùa thờ Phật, hậu đường thờ quốc sư triều Lý và thiền sư Không Lộ... Chùa có 12 bia đá, theo bia “Quán Sứ tự công đức bi ký” dựng năm Ất Mão (1855) do tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1838), đốc học Thanh Hóa Lê Hy Vinh soạn thì: Vào đầu triều Gia Long, quân lính đóng ở đồn Hậu Quân ở cạnh chùa, nhờ có phó tướng Vĩnh Tài lưu tâm đến đạo Phật nên chùa không bị phá hủy. Đến năm 1822 chùa được sửa sang làm chỗ lễ bái cầu đạo cho quân nhân. Sau lính rút đi, khu đất trống được trả lại cho dân làng sở tại. Nhà sư Thanh Hương đến trụ trì, làm hành lang, đúc tượng, đúc chuông. Học trò là Văn Nghiêm kế nghiệp, khuyến hóa mười phương, tu bổ những chỗ hư hỏng, tô tượng và đắp thêm 27 pho nữa.



Chùa Đậu

Địa chỉ: Thôn Gia Phúc, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín.

Theo tích xưa, vì chùa thờ nữ thần Pháp Vũ (bà Đậu) nên được nhân dân gọi là chùa Đậu, chùa còn có nhiều tên gọi khác là: Thành Đạo Tự, Pháp Vũ Tự, Chùa Vua, Chùa Bà.. Theo văn bia để lại chùa được xây dựng từ thời triều nhà Lý, thế kỷ thứ XI. Chùa được xây theo kiểu "nội công ngoại quốc". Tam quan chùa là một gác chuông đẹp, hai tầng tám mái với các đầu đao cong vút. Nhiều bộ phận gỗ được chạm khắc hình rồng, phượng và hoa lá.

Đặc biệt là trong chùa còn có hai pho tượng của hai nhà sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường đã tu ở chùa vào khoảng XVII, được tạo thành bằng cách bó sơn ta rồi quang dầu ra ngoài chính



thi hài các nhà sư. Đầu năm 1993, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam đã được giao nhiệm vụ lập phương án thiết kế và thi công trùng tu hai pho tượng này. Khi chiếu tia X-quang, các nhà nghiên cứu còn thấy rõ xương cốt bên trong thi hài và kết luận rằng: Không có vết đục đẽo, không có hiện tượng hút một, hút óc và các khớp xương dính chặt với nhau như thể tự nhiên. Đây là hai vị Thiền sư đắc đạo tại chùa, để lại toàn thân xá lợi. Xá lợi đốt không cháy, ngâm trong nước không tan.

Tượng nhục thân nhà sư Vũ Khắc Minh nặng 7 kg, chiều cao ngồi 57cm. Qua vết nứt rộng 2mm ở đầu và mặt thấy trong cùng là xương sọ, tiếp đến khoảng không rồi tới lớp bồi dày 2 - 4mm. Chất liệu bồi là đất gò mối tươi mịn trộn sơn sống, mùn cưa, giấy bán. Phủ ngoài chất bồi này là một lớp sơn ta màu cánh dán dày 0,1mm. Hiện nay, đôi chỗ trên tượng hiện ra những lá bạc mỏng phủ ngoài lớp sơn ta, còn ngoài cùng là một lượt quang dầu.

Chùa Đậu vốn đã huyền bí và mang trong mình những giá trị tâm linh lớn lao từ hai vị thiền sư đắc đạo, nay càng trở nên hấp dẫn hơn bởi kỳ tích khôi phục tượng táng của các nhà khoa học Việt Nam.



Chùa Hương

Địa chỉ: Xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức.

Chùa Hương hay Hương Sơn là một quần thể văn hóa - tôn giáo Việt Nam, là một quần thể những danh lam thắng cảnh và di tích nằm trên một dải núi chạy từ núi Hoàng Con trong dãy Hoàng Liên Sơn, vượt qua sông Đà, núi Ba Vì, qua Chương Mỹ xuống mãi Nho Quan - Ninh Bình. Trong cụm danh thắng Hương Sơn, bên cạnh các cảnh đẹp thiên tạo như suối Yến, động Hương Tích, động Tiên Sơn, động Tuyết Quỳnh, suối Giải Oan... còn rất nhiều các công trình kiến trúc nghệ thuật do bàn tay con người, qua các thời kỳ tạo nên, và đã trở thành những di tích lịch sử rất có giá trị như đền Trình, chùa Thiên Trù, đền Cửa Vông, Hương Sơn tự...

Theo truyền thuyết, vùng núi có hang động



này được tìm thấy cách đây hơn 2000 năm và đã được đặt tên Hương Sơn - lấy tên một ngọn núi ở phía Bắc Tuyết Sơn trong dãy Himalaya (Ấn Độ), nơi đức Phật đã ngồi tu khổ hạnh suốt 6 năm ròng rã.

Đời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) đã có am thờ Phật dựng trên mảnh đất chùa Thiên Trù. Theo sách "Hương Sơn Thiên Trù thiên phú" thì chùa Hương được xây dựng từ đời Lê Huy Tông, niên hiệu Chính Hòa (1680 - 1705). Bia tại chùa Thiên Trù có ghi rằng việc xây dựng nền đất, bậc đá và tôn tạo Kim Dung bảo điện của chùa được thực hiện vào năm 1686.

Các ngôi chùa chính được xây dựng với quy mô lớn vào khoảng cuối thế kỷ XVII. Cho đến đầu thế kỷ XX, trong khu vực này đã có hơn 100 ngôi chùa.

Giá trị nhất về mặt nghệ thuật điêu khắc, không những trong chùa Hương mà kể cả trong toàn bộ hệ thống chùa chiền ở Hương Sơn là pho tượng Phật Quan Âm bằng đá xanh tạc vào thời Tây Sơn. Pho tượng bằng đá, có dáng người thon thon, mặt trái xoan, nét thanh tú, đầu đội mũ Tì Lư (tức là mũ Bồ Tát) nhưng lại có búi tóc và tóc mai, sau lưng có hai món tóc buông xuống. Tượng ngồi ở tư thế đặc biệt, tay phải cầm viên ngọc minh châu, chân trái duỗi, đặt trên một bông sen



nở, chân phải co, dưới chân cũng có một bông sen. Theo bài ký khắc trên đá năm 1806 thì pho tượng này được tạc năm 1793.

Trong động Hương Tích còn có quả chuông đồng cao 1,24m, đường kính đáy 0,63m đúc năm Thịnh Đức thứ 3 (1655).

Chùa Hương là thắng cảnh có doanh thu lớn trong ngành Du lịch. Hội chùa Hương Sơn là hội chùa kéo dài nhất ở Việt Nam trong suốt 3 tháng sau Tết Nguyên đán.



Chùa Thầy

Địa chỉ: Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai.

Sài Sơn có tên Nôm là núi Thầy, nên chùa được gọi là chùa Thầy, tương truyền được xây dựng từ thời Lý, nơi tu hành của Thiền sư Từ Đạo Hạnh.

Ban đầu chùa Thầy chỉ là một am nhỏ gọi là Hương Hải am, nơi Thiền sư Từ Đạo Hạnh trụ trì. Vua Lý Nhân Tông đã cho xây dựng lại gồm hai cụm chùa: chùa Cao (Đỉnh Sơn tự) trên núi và chùa Dưới (tức chùa Cả, tên chữ là Thiên Phúc tự, theo thuyết phong thủy, chùa được xây dựng trên thế đất hình con rồng. Phía trước chùa, bên trái là ngọn Long Đầu, lưng chùa và bên phải dựa vào núi Sài Sơn. Chùa quay mặt về hướng Nam, trước chùa nằm giữa Sài Sơn và Long Đầu là một hồ rộng mang tên Long Chiếu hay Long Trì (ao Rộng). Sân có hàm rồng. Trước cửa chùa có đầm Long Chiếu, giữa có



thủy đình nơi thường diễn rối nước. Hai chiếc cầu gỗ cổ kiểu “thượng gia hạ kiều” ba nhịp có mái che do Phùng Khắc Khoan (1528 - 1613) xây dựng năm 1602. Bên trái là cầu Nhật Tiên, trông vào đền Tam phủ, làm trên một đảo nhỏ giữa ao. Bên phải là cầu Nguyệt Tiên, đi lên chùa Cao trên núi.

Cụn kiến trúc chính là chùa Cả gồm ba lớp nhà lớn, dựng trên nền cao bó đá hộc xanh, đối diện với thủy đình. Lớp ngoài là nhà tiền tế, lớp giữa thờ Phật, lớp trong cùng thờ Từ Đạo Hạnh, bộ mái đồ sộ, lớp ngói mũi hài to bản và dày, bốn góc cong vút đặt trên bộ khung gồm 4 cột lớn và mười hai cột nhỏ bằng gỗ quý kê trên tảng đá, liên kết với nhau bằng hệ thống xà hoành. Khớp mộng vững chắc, xung quanh lấp ván bưng đồ lùa với nhiều mảng trang trí chạm hình rồng, lân, mây, lửa. Trong chùa có ba pho tượng diễn tả 3 kiếp của Từ Đạo Hạnh. Chính giữa là tượng đã thành Phật, đội mũ hoa sen, tay chấp trước ngực. Bên trái là tượng gỗ bạch đàn, chân có chốt khớp cử động được. Bên phải là tượng sau khi dẫu thai vào cung cấm trở thành vua Lý Thần Tông (1128 - 1138). Trong chùa còn có tượng cha mẹ thiền sư; lưng ngai chạm trổ tinh xảo; có các biểu tượng nho giáo (phủ việt, dầu rồng), Phật giáo (quả phúc) và Đạo giáo (sừng tê ngọc báu) ghi rõ niên đại (1346). Hai



bên chùa là hành lang thờ 18 vị La Hán. Phía sau là gác chuông cổ tương truyền đúc từ thời Lý và lầu trống có trống lớn đường kính 1,5m. Qua cầu Nguyệt Tiên lên núi là chùa Cao. Sau chùa là hang Thánh Hóa. Từ chùa Cao theo lối mòn ven núi lên hang Cốc Cờ sau đó đến Thượng Chỉ, phía sau là hang Bụt Mọc, có nhiều tảng đá lô nhô như tượng Phật. Trên Sài Sơn có hang Gió, chợ Trời (phía trên chùa Cao) ngổn ngang những hòn đá hình bàn ghế, kệ bày hàng... có phiến đá nhẵn gọi là bàn cờ tiên.

Như vậy, quanh núi Thầy, ngoài chùa Thầy còn có cả một cụm kiến trúc Phật giáo được xây dựng trong những khoảng thời gian khác nhau.

Hội chùa Thầy diễn ra từ ngày mùng 5 đến ngày mùng 7 tháng ba Âm lịch hàng năm. Trong ngày hội, nhiều tăng ni từ các nơi khác trong vùng cùng về đây dự lễ trong những bộ cà-sa trang trọng, tay cầm gậy hoa, miệng tụng kinh trong tiếng mõ trầm đều. Lễ cúng Phật và trai đàn - một diễn xướng có tính chất tôn giáo - được thực hiện có sự phối hợp của các nhạc cụ dân tộc.

Hội chùa Thầy không chỉ có những nghi thức tôn giáo. Ở đây còn có trò múa rối nước mang đậm sắc thái dân gian mà ngày nay có tiếng vang ở nhiều nước.



Chùa Trăm Gian

Địa chỉ: Thôn Tiên Lữ, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ.

Chùa Trăm Gian là ngôi chùa nằm trên một quả đồi cao khoảng 50 m, được lập từ đời Lý Cao Tông, niên hiệu Trinh Phù thứ 10 (1185). Đến thời nhà Trần, có hòa thượng Bình An, quê ở Bối Khê tu ở đây, tương truyền là người có nhiều phép lạ. Sau khi ông mất, dân làng xây tháp để giữ gìn hài cốt và tôn gọi là Đức Thánh Bối. Ngôi chùa lớn với quy mô như hiện nay đã được trùng tu và xây dựng thêm qua nhiều thời đại.

Chùa Trăm Gian là một quần thể kiến trúc độc đáo. Theo cách tính cứ 4 góc cột là 1 gian thì chùa có cả thảy 104 gian, chia thành 3 cụm kiến trúc chính.

Cụm thứ nhất gồm 4 cột trụ và 2 quán, trước



đây là nơi đánh cờ người trong ngày hội, tiếp đó là nhà Giá Ngự nhìn ra mặt hồ sen, nơi đặt kiệu thánh để xem trò múa rối nước.

Trèo qua mấy trăm bậc gạch xây là tới cụm thứ hai gồm một toà gác chuông 2 tầng mái, có lan can chạy quay 4 mặt. Các ván bằng đều có chạm hình mây hoa. Tại đây treo một quả chuông cao 1,1m, đường kính 0,6m, đúc năm Cảnh Thịnh thứ hai (1794). Trên chuông có khắc một bài minh của Phạm Huy Ích. Qua gác chuông, leo 25 bậc đá xanh hình rồng mây, đến sân trên có kê một sập đá hình chữ nhật.

Lại leo 9 bậc đá, hai bên có lan can chạm hình rồng cuộn khúc thì tới cụm thứ 3 đó là chùa chính, gồm nhà bái đường, toà thiêu hương và thượng điện. Hai bên là 2 dãy hành lang. Trong cùng là nhà tổ, giữa lại có lầu trống bên trong treo một trống lớn, đường kính 1 m và một khánh đồng dài 1,20 m, cao 0,60 m đúc năm 1749. Tại đây có 153 pho tượng, hầu hết bằng gỗ, một số ít bằng đất nung, đặc biệt quý là tượng Tuyết Sơn, tượng Quan Thế Âm Bồ Tát. Ở giữa thượng điện có một bệ bằng đất nung đỏ hình khối chữ nhật, giống kiểu các bệ đá thời nhà Trần. Trên bệ đá là đài sen, xung quanh trang trí nhiều hình động vật và hoa lá, bốn góc có hình chim thần. Trên bệ đặt các



tượng Phật tam thế. Trong chùa còn có nhiều bia, hoành phi, câu đối... Riêng có hai câu đối khảm trai, tương truyền có từ thời nhà Hồ (1400 - 1406).

Hai bên là hai dãy hành lang. Trong cùng là nhà thờ Tổ. Ở giữa còn có gác trống, treo một chiếc trống lớn và một khánh đồng đúc năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749).

Trong chùa có tượng đô đốc Đặng Tiến Đông, một tướng nhà Tây Sơn, chỉ huy đạo quân đánh vào phía Nam Thăng Long. Tượng này được phát hiện vào năm 1972. Ngoài ra còn có tượng Đức Thánh Bối đặt trong khám gỗ gian bên phải. Đây là tượng cốt rút bằng mây đan ngoài bọc vải sơn, tương truyền là tượng bỏ hài cốt của ông.

Chùa Trăm Gian là một ngôi chùa theo kiểu tiền Phật hậu thần, ngoài việc thờ Phật, trong chùa còn đặt khám thờ Đức Thánh Bối Nguyễn Bình An thể hiện sự giao thoa giữa tín ngưỡng dân tộc với phát triển của lịch sử.



Chùa Tây Phương

Địa chỉ: Núi Tây Phương, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất.

Chùa Tây Phương ở núi Tây Phương, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất. Theo các tài liệu để lại thì chùa xây từ đời Cao Biền (865 - 875), vào niên hiệu Chính Hoà (1680 - 1705), Tây Vương Trịnh Tạc đi qua thấy cảnh trí trang nghiêm, bèn truyền cho sửa chữa lại chùa và xây tam quan. Sau đó chùa bị phá. Chùa Tây Phương còn đến nay đã được xây lại trên nền chùa cũ, vào khoảng 1788 - 1789 dưới triều Tây Sơn. Hiện trong chùa còn chuông đồng đúc năm Bính Thìn 1796, năm Cảnh Thịnh thứ 4 và bài Minh do Phan Huy Ích soạn khắc vào chuông năm Mậu Ngọ (Cảnh Thịnh thứ 6).

Chùa Tây Phương xây 3 toà xếp thành hình chữ tam, nhìn bề ngoài mỗi toà có 2 tầng, 8 mái và 8 đầu đao cong vút. Toà giữa hẹp nhưng cao hơn



toà thượng và hạ. Do xếp hình chữ tam, không nối liền mà mỗi toà cách nhau một quãng nhất định, thêm toà nọ cách thêm toà kia là 1,6 m, nên nội thất mỗi toà đều được chiếu sáng. Các toà nhà gạch trần theo hình cong và được chạm trổ theo kiểu “bán âm, bán dương”, hay kiểu “sắc sắc không không” theo triết lý nhà Phật. Phía trong chùa dựng theo lớp chồng giường thống nhất, chồng cột có xà đỡ.

Khắp chùa chỗ nào có gỗ là có chạm trổ. Các đầu bẩy, các bức cốn, xà nách, ván long... đều có chạm trổ đề tài trang trí quen thuộc của dân tộc Việt: hình lá dâu, lá đề, hoa sen, hoa cúc, rồng, phượng, hồ phù... rất tinh xảo.

Đặc biệt chùa Tây Phương là nơi hội tụ những tác phẩm xuất sắc của nghệ thuật điêu khắc dân tộc như chạm trổ, phù điêu và tạc tượng. Chùa có tất cả 62 pho tượng lớn nhỏ có giá trị nghệ thuật cao như các pho Tam Thế, A-di-đà, Tuyết Sơn, Di Lặc, Kim Cương, 18 vị La Hán, tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay (thế kỷ XIX). Chùa còn có quả chuông đúc năm Cảnh Thịnh thứ 4 (1796) và nhiều bộ hương án quý.

Chùa Tây Phương là một di tích lịch sử có giá trị về mặt nghệ thuật kiến trúc đồng thời là một thắng cảnh đẹp của Hà Nội.



Chùa Trầm

Địa chỉ: Xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ.

Chùa Trầm được gọi tên theo tên ngọn núi mà chùa dựa vào. Tương truyền ngày xưa ở trên đỉnh núi này có một cây trầm rất to, thân cây nhiều người ôm không xuể, tỏa hương thơm khắp vùng. Sau này, dù cây không còn nữa nhưng người ta vẫn gọi là núi Trầm hay núi Tứ Trầm. Xưa kia toàn bộ khu núi Trầm là nơi vua Lê, chúa Trịnh đặt hành cung.

Chùa Trầm được xây dựng năm Ất Hợi (1515) do Trần Văn Tăng, một tướng quân xuất gia giảng đạo, khởi xướng. Toàn bộ khu núi Trầm này xưa kia cũng là nơi vua Lê, chúa Trịnh đặt hành cung và đã cho xây nhiều công trình mà nay vẫn còn dấu tích. Chùa Trầm nhỏ, mang vẻ đẹp cổ kính.

Quần thể chùa gồm nhiều thắng cảnh đẹp:



Dền Mẫu nằm lưng chừng núi, hang Long Tiên có đường dẫn lên đỉnh núi Trầm (tục gọi là đường lên trời), có hang sâu dẫn ngấm vào trong núi (tục gọi là đường xuống âm phủ). Trong hang có tượng của các vị phật, tiên, hộ pháp tạc bằng đá rất sinh động. Nơi đây còn lưu trữ những bài thơ cổ khắc trên vách đá, khánh đá, chuông đồng... được tạo tác qua các thời đại.

Hang Trầm còn được biết đến vì gắn với một sự kiện lịch sử trong kháng chiến chống Pháp. Ngày 19/12/1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, thì 1 ngày sau, ngày 20/12, tại đây, Đài Tiếng nói Việt Nam đã phát đi Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch. Hang Trầm là nơi ghi dấu chân Người trong những ngày cách mạng hào hùng.



Chùa Mía

Địa chỉ: Xã Đường Lâm, huyện Ba Vì.

Chùa Mía thuộc làng Mía còn có tên chữ là Sùng Nghiêm Tự. Xưa kia, vùng này là Cam Giá, tên Nôm là Mía, nên chùa này được quen gọi là chùa Mía. Đây là ngôi chùa lưu giữ nhiều tượng nghệ thuật nhất Việt Nam.

Chùa Mía được xây dựng vào thời Trần. Đến thế kỷ XVII, chùa đã bị đổ nát, hoang phế nhiều. Năm Đức Long thứ tư (năm 1632), bà Nguyễn Thị Dong, vợ chúa Trịnh Tráng (1632 - 1657), được nhân dân tôn kính gọi là Bà Chúa Mía, đứng ra hưng công để xây dựng lại. Chùa nằm trên một ngọn đồi đá ong, có quy mô lớn, được tách ra làm ba khoảnh tách bạch. Phía ngoài cùng là gác chuông, tiếp đó là mảnh sân, ở phía bên góc phải là một cây đa vài trăm tuổi, tán lá sum suê che



mát cả một khoảng rộng, tạo cho khu chùa Mía một cảnh yên tĩnh mát mẻ và linh thiêng. Qua một cổng gạch là đến dãy nhà thụ trai (nơi ở của các nhà sư). Tiếp đến là khu nhà chính gồm: Nhà bái đường, chùa hạ, chùa trong và thượng điện. Lúc đầu chùa Mía chỉ có cổng và 2 tòa thượng điện, hậu đường, mỗi tòa 7 gian dựng song song. Chùa được tu bổ và hoàn chỉnh dần vào thế kỷ XVII và thế kỷ XIX.

Gác chuông của chùa là ngôi nhà 3 gian làm theo kiểu chồng diêm 2 tầng 8 mái. Các góc mái đều gắn đao triện. Sàn nhà bằng gỗ, ở tầng gác có hàng lan can tiện. Các ván long, xà nách đều được bào xoi cạnh và chạm trang trí đề tài hoa lá. Trên gác treo một quả chuông đúc năm Cảnh Hưng thứ 4 (1743) và một khánh đồng đúc năm Thiệu Trị thứ 6 (1864).

Chùa Mía khá nổi tiếng với 287 pho tượng lớn, nhỏ, trong đó có 6 pho tượng đồng, 106 pho tượng gỗ và 174 pho tượng bằng đất luyện được sơn son thếp vàng. Ở chùa Trung có 2 pho tượng Hộ Pháp lớn và 8 pho tượng Kim Cương. Mỗi pho tượng là hình tượng một võ tướng đang trong tư thế chuẩn bị chiến đấu để trừ tà bảo vệ Phật pháp, hình khối, bố cục vững chắc, thân hình cân đối, đường nét thoải mái và khỏe. Tại chùa Thượng,



người ta còn thấy các động bằng đất đắp. Trong và xung quanh các động có khá nhiều tượng. Trong một động có cả tượng Phật Thích Ca nhập Niết bàn. Pho tượng Tuyết Sơn cao 0,76 m và Quan Âm Tống Tử cao 0,76 m ở đây cũng rất đẹp. Tượng Quan Âm thường được gọi là tượng Bà Thị Kính, diễn tả một người phụ nữ thùy mị, có duyên, vẻ mặt hơi buồn nhưng rất hiền từ nhân hậu, ẵm một đứa bé bụ bẫm kháu khỉnh, đường nét chạm khắc mềm mại, trau trốt.

Với những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc độc đáo, với quy mô bề thế và đẹp. Chùa Mía đã được Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật.



Đền Quán Thánh

Địa chỉ: Đường Thanh Niên, Quận Ba Đình.

Quán Trấn Vũ quen gọi là đền Quán Thánh do đọc chệch chữ Quán Thánh mà ra, ở cuối đường Thanh Niên, nhìn thẳng ra hồ Tây. Quán được dựng vào thời Lý Thái Tổ mới dời đô đến Thăng Long, thờ Huyền Thiên Trấn Vũ, một vị thánh của đạo Giáo, để trấn giữ yếu quái ở phía Bắc kinh thành. Theo thuyết ngũ hành, phương bắc màu đen nên gọi là “huyền” và sắc phục của thân đều là màu đen. Khi khoa cử mở rộng, đền còn thờ thêm Văn Xương đế quán, vị sao chủ về văn học và sinh ra tục nhà nho thường đến lễ vào ngày 01 tháng 6 âm lịch, ngũ lại chùa xin thần ứng mộng cho biết khoa thi này thi cử ra sao!

Quán được trùng tu lớn vào các năm 1677 và 1893.



Đời Lê Hy Tông, cho đúc tượng Trấn Vũ bằng đồng đen cao 3,96m, nặng 4 tấn năm 1681, rồi lại xây bệ đá cao 1,2 m đặt tượng lên năm 1894. Tượng Trấn Vũ cao lớn, mặc áo đạo sĩ đen, xõa tóc, không đội mũ, chân đất, tay trái giơ lên bắt quyết, tay phải chống kiếm xuống lưng một con rùa, có rắn lười quanh kiếm. Theo truyền thống, rắn và rùa là hai con vật tượng trưng của thần trấn phương Bắc. Đây là một công trình nghệ thuật của thế kỷ 17. Ở gác tam quan có treo một quả chuông cao gần 1,5m đúc cùng thời với tượng Trấn Vũ. Tiếng chuông này đã được ghi vào ca dao cổ:

Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.



Đền Kim Liên

Địa chỉ: Phường Phương Liên, quận Đống Đa.

Đền trước đây thuộc địa phận phường Kim Hoa, sau thuộc phường Đông Tác, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức. Đình thờ thần Cao Sơn. Đền Kim Liên là trấn phía Nam thành Thăng Long.

Tương truyền thần đã có công giúp Sơn Tinh chiến thắng Thủy Tinh và sau này lại giúp vua Lê Tương Dực dẹp loạn, khôi phục nhà Lê. Do đó vua Lê cho xây đền, dựng bia để nung khói phụng thờ. Chịu tác động của thăng trầm lịch sử, đền nay gần không còn nguyên dạng (toàn bộ nhà bái đường đã bị tàn phá), chỉ còn lại nhà hậu đường ba gian, tam quan, cổng gạch và hai giải vũ. Tam quan và đền xây trên gò đất cao, từ sân bước lên phải qua chín bậc gạch, hai bên thêm là hai sáu đá niên đại thời Lê. Tam quan xây thành nhà hoàn chỉnh, kiểu tường hồi bít đốc. Bốn góc tường hồi



có bốn cột trụ, bốn bộ vì đỡ mái làm theo kiểu chồng giường, giá chiêng, cột trốn. Các con giường chạm nổi hình mây cuốn, câu đầu và hai bẩy hai vì ngoài chạm bong kênh và chạm lõng nhiều lớp hình tứ linh. Trong đền vẫn còn long ngai thờ thần Cao Sơn và hai nữ thần phối hưởng: Thủy Tinh đệ Tam Tôn nữ và Huệ Minh phu nhân (không rõ sự tích).

Đền còn giữ được 39 đạo sắc phong trong đó 26 đạo thời Lê Trung Hưng, 13 đạo thời Nguyễn, ngoài ra là các câu đối, bia đá trong hốc cây có bài văn bia của Lê Trung Hưng



Đền Voi Phục

Địa chỉ: Nằm cạnh Công viên Thủ Lệ, Quận Ba Đình.

Đền được dựng trên đất làng Thủ Lệ xưa, nay ở cạnh đường Cầu Giấy, bên vườn thú Thủ Lệ, thuộc quận Ba Đình. Đền là một trong “Thăng Long tứ trấn”. Xây dựng từ đời Lý Thái Tông (1028-1054) bên một hồ rộng có tên là Linh Lang. Đền thờ Linh Lang đại vương, tương truyền đây có thể là hoàng tử Hoảng Chân con vua Lý Thái Tông do một bà phi người làng Bồng Lai (Đan Phượng) sinh ra ở Trại Chờ Thủ Lệ. Hoàng tử đã tham gia trận đánh quân Tống xâm lược trên phòng tuyến sông Cầu và hi sinh tại đó. Còn thần tích kể rằng: Cáo Nương là một Cung phi của vua Lý ra tắm ở hồ Tây bị rồng cuốn lấy người, về có mang sinh ra hoàng tử trên mình có 28 vết vảy



rồng và 7 hàng chấm sáng long lanh như ngọc trên ngực. Lớn lên Linh Lang xin đi cầm quân đánh thắng quân Tống. Vua muốn nhường ngôi cho nhưng chàng từ chối, về ở Trại Chợ, sau bị bệnh từ trần hóa con rồng đem cuốn quanh phiến đá rồi đi xuống hồ Tây biến mất.

Vua bèn cho lập đền thờ ở ngay nơi ở của hoàng tử. Trong đền có 2 pho tượng đồng, hòn đá to có vết lõm. Đường vào có những cây muỗm, cây si lâu đời, sau đền có những bụi nứa, di tích một vùng rừng cổ.



Đền Bạch Mã

Địa chỉ: 76 Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm.

Xưa, nơi đền tọa lạc thuộc địa dư phường Hà Khẩu, tổng Đông Thọ, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức. Di tích được coi là một trong những danh lam thắng cảnh của “Thăng Long tứ trấn”.

Được xây dựng trước khi có kinh thành Thăng Long, đền Bạch Mã có từ năm 866. Tương truyền khi đó Cao Biền, một viên tướng Tàu sang nước Nam đắp thành Đại La.

Đền Bạch Mã là ngôi đền lớn, có kiến trúc cổ, quy mô bề thế và giữ được những nét truyền thống từ thời Lý - Trần. Đền được xây theo hình chữ “tam”, bên ngoài là phương đình tám mái, có một tam bảo và có hơn 13 hoành phi, văn bia nói về thần Long Đỗ và Bạch Mã. Trong các ngôi đền ở Hà Nội, đền Bạch Mã hiện còn lưu giữ được



nhiều bia nhất. Trong quan niệm người phương Đông, ngựa trắng đồng nhất với mặt trời mọc phương Đông.

Hiện ngôi đền vẫn giữ nguyên kiến trúc nhưng được sắp xếp lại theo cấu trúc Tam nguyên đồng hóa - tức là thêm điện thờ Phật và Mẫu. Lễ hội đền hàng năm diễn ra vào tháng hai âm lịch. Trước đây người ta còn tổ chức đánh trâu rước xuân vào đúng hội... Nằm ngay giữa phố Hàng Buồm, giữa những lô xô mái ngói rêu phong phố cổ, đền Bạch Mã trở thành một điểm nhấn bức tranh phố cổ Hà Nội. Nếu ghé thăm phố cổ Hà Nội, bạn nhớ ghé thăm ngôi đền linh thiêng này.



Đền Ngọc Sơn

Địa chỉ: Đảo Ngọc, thuộc Hồ Hoàn Kiếm, quận Hoàn Kiếm.

Đời Vĩnh Hựu nhà Lê (1735 – 1739), chúa Trịnh Giang xây cung Khánh Thụy tại đây để làm nơi hành lạc, sau bị Lê Chiêu Thống trả thù phá đi. Năm 1843, mọc lên một ngôi chùa nhỏ. Năm 1864, nhà văn nổi tiếng của Thăng Long là Phương Đình Nguyễn Văn Siêu đứng ra tu bổ dựng lại thành đền với dáng vóc như bây giờ.

Tháp dựng trên một ngọn giả sơn, xếp bằng đá hộc và ngọn giả sơn ấy có tên gọi là núi Độc Tôn. Tháp bút có bảy tầng, đỉnh là một ngòi bút đối thẳng với trời và ở phần thân có khắc ba chữ Tả Thanh Thiên, tức là viết lên trời xanh, còn thân tầng thứ ba của tháp có khắc một bài Bút Tháp Chí.



Hai bên lối đi là báng rồng, báng hồ biểu tượng cho sự thành đạt trong khoa cử thời phong kiến. Giáp cầu là Đài Nghiên, nghiên mực hình nửa quả đào đặt trên đầu 3 con ếch, hai bên cột là đôi câu đối:

Bát đảo, mực ngân hồ Thủy môn

Kinh thiên, bút thế thạch phong cao.

Nghĩa là :

Ánh đảo, nước hồ đầy mực ngân

Vút trời, tháp đá bút vươn cao

Qua chiếc cầu Thê Húc (giữ lại ánh mặt trời ban mai) bắc vòng sơn son nối với bờ Đảo Ngọc, đến lầu Đắc Nguyệt (được trăng) và cũng là cổng đền, với long mã và thần quy mang đồ thư đáp nối ở hai bên.

Đền thờ thần văn học là Văn Xương đế quân, cùng Lã Đồng Tân và Quan Công thành Tam Thánh, phía trong thờ Trần Hưng Đạo, anh hùng dân tộc.

Trước mặt đền có đình Trấn Ba (chấn sóng) mái cong duyên dáng nhìn thẳng ra Tháp Rùa. Cột trong đình có đôi câu đối



Kiểm hữu dư linh quang nước thủy

Vấn tòng đại khối thọ như sơn

Nghĩa là :

Kiểm soát khí thiêng ngời tựa nước

Vấn cùng trời đất thọ như non.



Đền Hai Bà Trưng

Địa chỉ: Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh.

Để tưởng nhớ công đức của Hai Bà Trưng, nhân dân Vĩnh Phúc đã lập đền thờ tại thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, hàng năm tổ chức lễ hội tưởng nhớ công đức của Hai Bà và các tướng lĩnh vào ngày mùng 6 tháng Giêng. Đền thờ Hai Bà tọa trên một khu đất cao thoáng dăng. Theo thuyết phong thủy: Đền tọa lạc trên thế đất "Trán con voi trắng" trong hình cao "Bạch tượng uyên hồ" (voi trắng uống nước trong hồ), đến tận bây giờ vẫn còn vết tích của những nơi như ao Mả Voi, vòi voi và hồ Ao bàng; phía trước là đường kéo quân của Hai Bà Trưng xưa kia chạy vòng phía trước Đền. Sau đền là khu vực thành cổ gồm 3 lớp: trong là thành, ngoài là quách, dân gian gọi là Thành Ống.



Đền thờ Hai Bà Trưng hiện nay có các công trình: Tam quan, nhà tiền tế, nhà trung tế và hậu cung. Phía ngoài hậu cung có cây Lua già, là hộp thư bí mật, tại đây những năm 1943- 1944, đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư Đảng đã lấy đền thờ Hai Bà Trưng làm một trong những nơi hội họp bí mật để chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở thủ đô Hà Nội ngày 19/8/1945.

Đền thờ Hai Bà Trưng là di tích lịch sử cách mạng đặc biệt quan trọng, được Nhà nước xếp hạng là di tích cấp quốc gia năm 1980.



1.

Đền Sóc

Địa chỉ: Xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn.

Khu di tích lịch sử đền Sóc, xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, là nơi thờ Thánh Gióng cùng quần thể các đền thờ Phật và các vị thần. Đền thờ Thánh Gióng, một vị thánh có công đánh đuổi giặc Ân sang xâm lược nước Văn Lang vào đời vua Hùng Vương thứ 6. Sau khi đánh đuổi quân xâm lược ông đã phi ngựa đến chân núi Sóc Sơn, ghim cương, cởi giáp và nón treo lên một cành cây, rồi quay chào bốn phía quê hương. Cả người lẫn ngựa từ từ bay thẳng lên trời, từ bấy đến giờ không còn thấy trở về dân gian. Từ đó hàng năm người dân tổ chức hội đền Sóc Sơn vào ngày mồng 6 tháng Giêng âm lịch. Dưới chân núi, ở dốc Mã và làng Mã có rất nhiều ao chuôm, người ta bảo đó là dấu chân ngựa của Thánh Gióng, khi về đến đây ngài



xoay ngựa khắp bốn phía. Ngựa hí vang trời rồi mới nhún mạnh bốn vó phóng lên trời.

Nhân dân trong xã cho biết: Trước kia đền quay về hướng Đông, tới đời Lê mới xoay về hướng Bắc với lý do “giặc thường từ hướng đó đến”, biểu lộ ý thức cảnh giác cao của cha ông ta trong truyền thống đánh giặc giữ nước.

Hội đền ngay ở gần quốc lộ 3, có núi cao, rừng thông, hồ rộng tạo nên cảnh quan du lịch hấp dẫn không chỉ với du khách trong nước mà thu hút sự quan tâm, thích thú của đông đảo khách nước ngoài.



Đền Và

Địa chỉ: Xã Trung Hưng, Sơn Tây.

Đền Và còn gọi là Đông Cung thờ Đức thánh Tản Viên trong hệ thống tứ cung của xứ Đoài, thờ thần núi Tản Viên, vị thần đứng đầu trong tứ bất tử của tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

Xây dựng vào khoảng thế kỷ XVII, đền Và có quy mô khá lớn với nghi môn, tả - hữu mạc, hậu cung... tạo thành một quần thể kiến trúc theo kiểu cung đình. Ngoài thánh Tản Viên đền còn thờ đức quốc mẫu - mẹ thánh Tản Viên và hai anh em Cao Sơn, Quý Minh - tướng của đức Tản Viên.

Đền Và nằm giữa đồi Và, một đồi cây có diện tích khoảng 17.500 m² trồng nhiều cây iim cổ thụ... Theo thuyết phong thủy, khu đồi có hình dáng con rùa (Kim Quy) đang bơi về phía mặt trời mọc. Khu vực kiến trúc rộng khoảng 2.000 m²



được bao ở hai bên và phía sau bởi tường thành bằng đá ong cao 2m15. Tường được xây hai lớp, theo cách thức thượng thu hạ thách, chính giữ lèn đất. Trong dân gian lưu truyền rằng, đá ong xây tường được lấy ở đồi Vông, thôn Vân Gia, còn gọi là "xóm Kấn" nên có câu thành ngữ "cấu cổ con xà, đê cổ con quy".

Đền Và đang lưu giữ 5 bản thân tích "Tản Viên Sơn Thánh": 18 đạo sắc phong của các đời vua, trong đó có 17 bản chính có dấu ấn; 47 đôi câu đối được chạm khắc, viết trên vách cột, trên gỗ và 18 bức hoành phi viết trên gỗ hoặc đá. Nơi đây còn có 2 bia đá, 3 chuông đồng, 4 tấm biển gỗ. Trên những hiện vật đó khắc ghi thời gian xây dựng, tu sửa, ca ngợi cảnh quan, uy linh của Thánh Tản Viên với nhiều nét trang trí có giá trị mỹ thuật cao vừa thể hiện nét văn hóa tâm linh. Các bản thân tích, sắc phong, văn bia đền Và rất giàu giá trị Hán - Nôm, trong đó có văn thơ của Nguyễn Khản, Nguyễn Thiện Kế, Trần Lê Nhân...

Lễ hội Đền Và là một trong những lễ hội lớn của vùng Sơn Tây - Ba Vì, trong hội có lễ rước kiệu thánh từ Đông Cung lên đền thờ Thánh Tản trên núi Ba Vì, tục đánh cá và lễ tắm tượng... Đền Và được xếp hạng là di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia năm 1964.



Đền Và còn có tên gọi khác là Đông cung - một trong hệ thống tứ cung nổi tiếng của xứ Đoài. Theo đó, đền Hạ (Tây cung) ở xã Minh Quang (Ba Vì), Nam cung ở thôn Yên Cư, xã Tản Lĩnh (Ba Vì), Bắc cung thuộc làng Thư Xá, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Yên (nay thuộc xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc).

Đền Và qua các triều đại Lý, Trần... đều được trùng tu. Đến đây, trái tím bạt ngòi dưới gốc những cây lim già, ngắm dòng sông Tích lượn lờ và những cánh đồng lúa xanh ngút mắt, ai cũng cảm thấy lòng bình yên. Đặc biệt, làng Vân Gia có một đặc sản rất hấp dẫn là bánh tẻ. Đây là một loại bánh giống bánh giò, nhưng dai hơn và dù không có nhân thịt vẫn rất ngon.



Phủ Tây Hồ

Địa chỉ: Phường Quảng An, Quận Tây Hồ.

Nằm tận cùng trên bán đảo nhô ra Hồ Tây ba bề sóng vỗ, Phủ Tây Hồ có phong cảnh hữu tình, được xây dựng trên đất Tây Hồ, xã Quảng An, huyện Từ Liêm nay thuộc quận Tây Hồ. Đây là quê hương của Thị Lộ, cô hàng chiếu sau là vợ Nguyễn Trãi và là nhân vật bị thảm của vụ án Lệ Chi Viên. Tây Hồ còn lưu truyền thuyết về cuộc tao ngộ văn chương của ông trạng Phùng Khắc Khoan và hai bạn là cử nhân họ Ngô, tú tài họ Lý với một cô gái đi thuyền trên Hồ Tây vào một đêm thu.

Sau bài thơ liên ngâm cô gái bơi thuyền biến mất trong sương. Ba nhà thơ lên bờ thì gió đưa tới tờ giấy hồng ghi bài thơ 4 câu, trong đó có 2 câu dịch nghĩa là:



Người đời muốn biết tên ta nhỉ?

Tên gọi Quỳnh Hoa đạo đó đây.

Họ mới hay vừa gặp chúa tiên Liễu Hạnh. Từ huyền thoại này, phủ Tây Hồ được xây vào thời Lê Anh Tông (1557-1573) để thờ Chúa Liễu được tôn xưng là “Mẫu nghi thiên hạ”. Tượng thờ có Tam tòa, tứ phủ và các chư vị. Lễ hội Phủ Tây Hồ mở vào tháng 3 hàng năm theo câu ca “Tháng Ba giỗ Mẹ”.



Nhà thờ Lớn

Địa chỉ: Số 40 Nhà Chung, quận Hoàn Kiếm.

Xây dựng trên khu đất cao vốn là chân tháp Báo Thiên nổi tiếng của Thăng Long có từ thời Lý Thánh Tông (1054 - 1072). Nhà thờ Lớn khánh thành đúng vào lễ Giáng sinh năm Đinh Hợi (1817). Đây là một kiến trúc khá đồ sộ. Hai gác chuông hai bên cao 30m với những trụ đá to nặng bốn góc. Trên đỉnh là cây thánh giá bằng đá. Nhà thờ được thiết kế theo kiểu kiến trúc Gô-ích rất thịnh hành trong thế kỷ XII và thời Phục hưng ở châu Âu. Ngoài các lễ trọng của công giáo về Chúa Giêsu và Đức mẹ, xứ đạo Hà Nội còn tổ chức lễ rước Thánh Quan Thầy củ địa phận Hà Nội là Giuse vào ngày 19 tháng 3 hàng năm.



DI TÍCH LỊCH SỬ



Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Đường Hùng Vương, quận Ba Đình.

Lăng là nơi giữ gìn thi hài của Chủ tịch Hồ Chí Minh, có mặt chính nhìn ra Quảng trường Ba Đình lịch sử. Đây là kết quả lao động sáng tạo của các nhà khoa học Nga và Việt Nam.

Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là nơi an nghỉ vĩnh hằng của người lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

Lăng chính thức được khởi công ngày 2/9/1973, tại vị trí của lễ đài cũ giữa quảng trường Ba Đình, nơi Bác Hồ đã từng chủ tọa các cuộc mít tinh lớn.

Lăng được khánh thành vào ngày 29/8/1975. Toàn bộ khu di tích lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh



rộng 14 ha. Lăng cao 21,6m gồm ba lớp. Lớp dưới tạo dáng bậc thềm là lễ đài dành cho Đoàn Chủ tịch trong các cuộc mít tinh. Lớp giữa, phần trung tâm của lăng gồm phòng thi hài và những hành lang, cầu thang lên xuống. Quanh bốn mặt là những hàng cột vuông ốp đá hoa cương, nhìn từ bên ngoài, mặt nào cũng thấy năm khoảng đều nhau, gợi nhớ ngôi nhà năm gian truyền thống Việt Nam. Lớp trên cùng là mái lăng hình tam cấp bằng đá hồng ngọc màu mận chín. Nhìn tổng thể lăng có hình bông hoa sen cách điệu.

Trước mặt lăng có cột cờ cao 30m. Hàng tre ngà hai bên biểu tượng hình ảnh làng quê Việt Nam. Hai bên trái và phải ở mặt trước lăng được trồng 18 cây vạn tuế (mỗi bên chín cây). Vào gần hơn, hai bên cửa lăng là hai cây đại, tượng trưng cho sự trong sáng, thanh cao của Bác Hồ.

Ở mặt chính lăng có dòng chữ Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng đá hồng ngọc màu mận chín.

Hai bên lăng là vườn cây, hoa quả tiêu biểu của các vùng quê Việt Nam bốn mùa tươi tốt, quần tụ toả bóng mát và trổ hoa.

Bước vào phòng ngoài, trước mặt trên ường đá hoa cương màu đỏ sẫm có hàng chữ vàng; óng ánh "Không có gì quý hơn độc lập tự do", dưới đó

là chữ ký quen thuộc của Bác. Lên hết cầu thang là tới phòng thi hài, nơi Bác an nghỉ. Phía đầu Bác nằm, trên nền tường ốp đá trắng gắn nổi hình cờ Đảng và cờ Tổ quốc. Hòm kính có thi hài Bác bên trong đặt trên đài hoa được ghép bằng đá đen huyền lấp lánh muôn ngàn hạt sáng. Cách bố trí lối đi từ ba phía cho phép mọi người chiêm ngưỡng Bác được lâu hơn, lối đi rộng, nên nhiều người cùng lúc đều được nhìn thấy Bác. Qua lớp kính trong suốt, Bác như vừa ngả lưng chợp mắt. Vẫn bộ quần áo ka ki bạc mầu, dưới chân Bác vẫn là đôi dép cao su giản dị.

Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là nơi an nghỉ vĩnh hằng của Người, là biểu tượng lòng tôn kính và biết ơn vô hạn của dân tộc Việt Nam đối với lãnh tụ của mình.



Nhà sàn Bác Hồ

Địa chỉ: Nằm trong khuôn viên Phủ Chủ tịch, quận Ba Đình.

Nằm trong khu vườn rộng sau Phủ Chủ tịch, ngôi nhà sàn Bác Hồ nằm nhỏ nhắn bình dị giữa những vòm cây, đường vào nhà rải sỏi, hai bên là hàng cây xoài, hàng rào dây bụt bao quanh nhà, cổng vào kết bằng cành cây đan xen nhau. Đó là ngôi nhà Bác Hồ ở và làm việc từ ngày 17/5/1958 cho tới khi Người qua đời.

Tầng dưới nhà sàn là nơi Bác thường họp với Bộ Chính trị. Tầng trên là hai phòng nhỏ, nơi Bác làm việc và phòng ngủ với những vật dụng đơn sơ, giản dị. Trước nhà là ao cá Bác nuôi, bên bờ ao là các loài hoa phong lan nở quanh năm.

Sau nhà là vườn quả với hàng trăm loài cây quý do các địa phương đưa về trồng, như cây vú sữa của đồng bào miền Nam gửi biếu Bác năm



1954, bưởi Phúc Trạch, Biên Hòa, Mê Linh; cam Hải Hưng, Xuân Mai, Vân Du, Xã Đoài; quýt Hương Cấn, Lý Nhân; táo Thiện Phiến, Ngọc Hồ; song mai Đông Mỹ; hồng Tiên Điền - Hà Tĩnh (quê hương nhà thơ Nguyễn Du). Trong vườn còn có những loại cây từ nước ngoài như ngàn hoa, cây bụt mọc quanh ao, cây cau vua gốc từ Caribê...

Theo ý Bác, mùa hè năm 1958, Cục Thiết kế cơ bản thuộc Tổng cục Hậu cần đã thi công ngôi nhà này. Kiến trúc sư là ông Nguyễn Văn Ninh, Cục trưởng Cục Thiết kế Dân dụng, Bộ Kiến trúc (nay là Công ty Tư vấn xây dựng, Bộ xây dựng). Ông Ninh là 1 trong 8 người Việt Nam học kiến trúc khóa đầu tiên ở Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Chính ông là người thiết kế lễ đài Ba Đình đón Bác và Trung ương Đảng, Chính phủ trở về thủ đô, ngày 1/1/1955.

Nhân dân từ mọi miền đất nước cũng như du khách quốc tế đến thủ đô Hà Nội, ai cũng muốn đến viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh, thăm nhà ở của Bác và đi dạo quanh Quảng trường Ba Đình lịch sử.



Quảng trường Ba Đình

Địa chỉ: Đường Hùng Vương, Quận Ba Đình.

Quảng trường Ba Đình là quảng trường lớn nhất Việt Nam, mang nhiều dấu ấn lịch sử trong truyền thống dân tộc Việt Nam. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại đây Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân Chủ cộng hòa. Đây là nơi diễn ra các cuộc diễu hành nhân dịp các ngày lễ lớn của Việt Nam, và cũng là nơi vui chơi, dạo mát của người dân thủ đô Hà Nội. Chữ Ba Đình là để gợi nhớ dải đất Ba Đình ở tỉnh Thanh Hoá, nơi đã nổ ra cuộc khởi nghĩa chống Pháp kéo dài từ tháng 9/1886 đến tháng 1/1887.

Nơi đây vốn là khu vực cửa Tây của thành Hà Nội cổ. Đầu thời Pháp thuộc, thực dân phá thành, làm một vườn hoa nhỏ gọi là diêm tròn Puginier. Năm 1945 mới có tên là vườn hoa Ba Đình.



Mặt chnh của quảng trường - mặt Tây - là lăng Hồ Chí tịch. Trước lăng là quảng trường với thảm cỏ bốn mùa xanh tươi, giữa quảng trường, trước lăng là cột cờ cao 25m.

Quảng trường Ba Đình đã trở thành không gian thiêng liêng của Thủ đô Hà Nội và của cả nước.



Cầu Long Biên

Địa chỉ: Bắc qua Sông Hồng.

Cầu Long Biên là cây cầu thép đầu tiên bắc qua sông Hồng tại Hà Nội, do Pháp xây dựng (1899-1902) và đặt tên là cầu Doumer (tên Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer). Dân gian còn gọi là cầu sông Cái. Hiện trên đầu cầu vẫn còn tấm biển kim loại có khắc chữ "1899 -1902 - Daydé & Pillé - Paris"

Chiều dài toàn cầu 1.862 m, gồm 19 nhịp dầm thép và đường dẫn xây bằng đá. Cầu dành cho đường sắt đơn chạy ở giữa. Hai bên là đường dành cho xe cơ giới và đường đi bộ. Đường cho các loại xe là 2,6m và luồng đi bộ là 0,4m. Luồng giao thông của cầu theo hướng đi xuôi ở phía trái cầu chứ không phải ở bên phải như các cầu thông thường khác.

Giá thành xây dựng ban đầu của cầu là



6.200.000 franc Pháp. Thiết kế ban đầu, chiếc cầu khi hoàn thành chỉ có đường tàu hoả thôi còn đường ô tô đi chung như cầu Đuống. Cho đến tận 19 năm sau, cầu mới được làm thêm đường hai bên cho các loại xe cơ giới.

Trong chiến tranh, Cầu Long Biên bị máy bay Mỹ oanh tạc bằng bom và tên lửa có điều khiển. Hai lần cầu gãy xuống lòng sông. Nhưng nhân dân Hà Nội vẫn nối lại cầu cho xe qua mỗi đêm, ban ngày lại dỡ ra che mắt địch. Dấu tích cho đến nay là Long Biên mất đi một đoạn vấy rồng (như người Hà Nội thường nói).



Nhà số 48, phố Hàng Ngang

Địa chỉ: Số 48, phố Hàng Ngang, quận Hoàn Kiếm.

Ngôi nhà được xây theo lối cổ, cao 4 tầng, quay hướng Đông, theo kiểu kiến trúc Tây những thập niên đầu thế kỷ XX.

Chủ ngôi nhà là cụ Trịnh Phúc Lợi, một nhà tư sản dân tộc lớn của Hà Nội. Khoảng những năm 30 của thế kỷ trước, cụ Lợi đã trao cho vợ chồng người con lớn là Trịnh Văn Bô quản lý. Gia đình ông Trịnh Văn Bô là một gia đình yêu nước, được giác ngộ cách mạng và trở thành một trong những cơ sở cách mạng tại nội thành, nên khi Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về Hà Nội, nhà số 48 Hàng Ngang đã được chọn làm nơi ở và làm việc của Người cùng các đồng chí trong Thường vụ Trung ương vào những ngày đầu Cách mạng tháng Tám.



Thủ đô Hà Nội từ sau sự kiện lịch sử giành chính quyền ngày 19/8, phong trào cách mạng của quần chúng lên rất cao. Trước tình hình đó, ngày 22/8/1945, tại ngôi nhà 48 Hàng Ngang, Thường vụ Trung ương Đảng đã họp, ra chỉ thị cho các nơi tiếp tục giành chính quyền theo gương Hà Nội và cử đồng chí Lê Đức Thọ lên Tân Trào đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về Hà Nội.

Chính tại ngôi nhà này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khởi thảo bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện điều mong muốn của nhân dân là đưa ngôi nhà trên trở thành một di tích lưu niệm về vị Chủ tịch kính yêu của dân tộc.



Nhà tù hỏa lò

Địa chỉ: Phố Hỏa Lò, quận Hai Bà Trưng.

Khu di tích nhà tù Hỏa Lò nằm ngay trung tâm thành phố Hà Nội. Thực dân Pháp cho xây dựng nhà tù này năm 1896 nhằm giam giữ những người đấu tranh chống chế độ thực dân Pháp, vốn có tên là Đền lao Trung ương (Maison Centrale), nhưng do nhà tù được xây trên đất của làng Phụ Khánh, tổng Vĩnh Xương (cũ), Hà Nội, đây vốn là làng nghề chuyên sản xuất đồ gốm, ngày đêm rực lửa lò nung, vì thế làng còn có tên là Hỏa Lò và nhà tù ở đây cũng được gọi là nhà tù Hỏa Lò.

Các nhà tù khác thường biệt lập với khu dân cư, riêng Hỏa Lò nằm tại trung tâm Hà Nội - thủ phủ của chính quyền thực dân khi đó. Bên cạnh nhà tù là tòa đại hình và sở mật thám, tạo thành thế chân kiềng, sẵn sàng đàn áp phong trào cách



mạng của nhân dân ta. Hỏa Lò là công trình kiên cố vào loại bậc nhất Đông Dương...

Bao quanh nhà tù là bức tường bằng đá, cốt thép cao 4m, dày 0,5m, được gia cố bởi hệ thống dây thép gai có dòng điện cao thế chạy qua, bốn góc là những tháp canh có khả năng quan sát nhất cử nhất động toàn bộ trại giam. Riêng hệ thống cửa sắt, khóa được mang từ Pháp sang. Các phòng giam, phòng tối, xà lim chật chội, thiếu không khí và những tên cai ngục khét tiếng, có thâm niên cai quản nhà tù Côn Đảo sẵn sàng đàn áp, thậm chí cướp đi sinh mạng của tù nhân.

Nhà tù Hỏa Lò thực sự là địa ngục trần gian. Ngay từ khi chưa hoàn thành, tháng 1/1899, nhà tù Hỏa Lò đã dám nhận việc giam người. Theo thiết kế ban đầu, Hỏa Lò chỉ đủ giam 500 tù nhân, nhưng nó đã nhiều lần được mở rộng để có thêm chỗ giam giữ tù nhân. Những năm 1950 - 1953, Hỏa Lò giam cầm tới 2.000 người tù. Hiện nay, khu di tích Hỏa Lò còn lưu giữ chiếc máy chém đã được thực dân Pháp dùng lưu động, tháng 1/1930 được vận chuyển lên Yên Bái để hành hình 13 chiến sĩ Việt Nam Quốc dân đảng bị bắt trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái (đứng đầu là Nguyễn Thái Học).

Nhiều thế hệ người Việt Nam đã bị giam cầm



tại nhà tù Hỏa Lò, đó là các nhà nho yêu nước như cụ Phan Bội Châu, Lương Văn Can, Dương Bá Trạc đến các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Hồ Mười... những người con ưu tú của dân tộc ta, sau này trở thành Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng nhiều cán bộ chiến sĩ cách mạng khác.

Nhà tù Hỏa Lò đã trở thành trường học cách mạng, là môi trường rèn luyện tư tưởng ý chí đấu tranh cách mạng. Ngay trong nhà tù Hỏa Lò, các lớp huấn luyện chính trị tập trung được mở, các tờ báo Lao tù đỏ, Lao tù tạp chí... ra đời khêu kẻ thù phải nể phục. Năm 1930, chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên được thành lập do đồng chí Hoàng Quốc Việt làm Bí thư đã phát huy vai trò người lãnh đạo, tổ chức được nhiều cuộc đấu tranh, giành hăng lợi.

Sau ngày thủ đô hoàn toàn giải phóng (10/10/1954), nhà tù Hỏa Lò đặt dưới sự quản lý của chính quyền cách mạng. Từ năm 1964 - 1973, nhà tù Hỏa Lò còn được dùng để giam giữ phi công Mỹ bị bắn rơi trong cuộc chiến ranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, trong đó có P. Peterson - sau này là Đại sứ Mỹ đầu tiên ở Việt Nam.



Ô Quan Chưởng

Địa chỉ: Đầu phố Hàng Chiếu, quận Hoàn Kiếm.

Được xây dựng từ năm 1749, trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, đến nay Ô Quan Chưởng là cửa ô duy nhất sót lại của Hà Nội còn có cổng như cổng thành.

Ngay cạnh chợ Đồng Xuân, một cửa ô duy nhất còn lại cái cổng ba cửa như cổng thành, có vòm lầu, bằng gạch vồ nâu đỏ, có cả tấm bia đá của Tổng đốc Hoàng Diệu cho dựng năm 1882 cấm ngặt binh lính quan nha không được sách nhiễu người dân qua lại đây vào thành. Cổng ô được xây dựng năm 1749, hơn hai trăm năm rồi, là chứng nhân của lịch sử và tấm bia đá kia trăm năm chưa mòn.

Người xưa kể lại rằng: Ngày 20/11/1873, giặc Pháp đánh thành Hà Nội. Một viên Chưởng Cơ đã chỉ huy quân ta chống cự mãnh liệt khi quân giặc



từ bến sông Hồng xông vào cửa ô. Cuộc chiến đấu kéo dài suốt từ sáng đến gần trưa, cuối cùng viên Chương Cơ và một trăm người lính đều anh dũng hi sinh. Kể từ đó người dân thủ đô quen gọi là Ô Quan Chưởng để tưởng nhớ tinh thần bất khuất của người anh hùng ấy.

“Long Thành bao quản nắng mưa

Cửa Ô Quan Chưởng bây giờ còn đây”.

Ngày nay cửa ô còn nguyên một cửa chnh và hai cửa phụ hai bên, chỉ có cánh cửa gỗ đã được dỡ đi từ lâu để tiện giao thông trên phố Hàng Chiếu. Trên tường vẫn còn tấm bia đá do Tổng đốc Hoàng Diệu cho làm từ năm 1881, ghi lệnh cấm quân lính không được sách nhiễu dân qua lại cửa ô.

Nhìn từ xa, cửa ô rêu phong trầm mặc dưới nắng tựa như một toà thành thu nhỏ. Những bức tường gạch lên men thời gian làm tăng thêm màu sắc cổ kính và duyên dáng. Những chi tiết của sổ, lan can và vòm lầu thuần chất kiến trúc Việt cổ khiến tổng thể cửa ô vừa dịu dàng khiêm nhường mà cũng đầy uy nghiêm. Từ sáng tới đêm khuya, cửa ô luôn tấp nập người qua lại bởi phố Hàng Chiếu - con phố đi xuyên qua cửa ô là một trong những phố cổ tấp nập buôn bán bậc nhất của ba mươi sáu phố phường xưa.



Cột cờ Hà Nội

Địa chỉ: 28A Điện Biên Phủ, quận Ba Đình.

Công trình kiến trúc được xây dựng từ thế kỷ XIX. Là một trong những công trình kiến trúc thuộc khu vực thành cổ Hà Nội. Với chiều cao đáng kể, cột cờ này được nhà binh Pháp khi đó dùng làm đài quan sát và trạm thông tin liên lạc giữa ban chỉ huy với những đồn bốt xung quanh, ban ngày dùng bằng tín hiệu, ban đêm dùng bằng đèn.

Cột cờ được xây năm 1812 gồm ba tầng đế và một thân cột. Các tầng đế hình chóp cụt, nhỏ dần, chồng lên nhau, xung quanh xây ốp gạch. Tầng một mỗi chiều 42,5m, cao 3,1m; có hai cầu thang gạch dẫn lên. Tầng hai mỗi chiều 27m, cao 3,7m. Tầng ba mỗi chiều 12,8m, cao 5,1m; có bốn cửa, cửa hướng Đông trên có đắp hai chữ "Nghênh



húc" (đón ánh nắng ban mai), cửa tây với "Hồi quang" (ánh sáng phản chiếu), cửa Nam với "Hương minh" (hương về ánh sáng), cửa Bắc không có chữ đề. Trên tầng này là thân cột cờ, hình trụ 8 cạnh, thon dần lên trên. Trong thân này có cầu thang 54 bậc xây xoáy tròn ốc lên tới đỉnh. Để tạo sự thông thoáng và ánh sáng lọt qua mỗi mặt trên thân cột cờ có từ 4 đến 5 ô hình hoa thị, vị trí cao nhất mỗi mặt có 1 ô hình dẻ quạt.

Đỉnh cột cờ được cấu tạo thành một lầu hình bát giác, có 8 cửa tương ứng 8 mặt. Giữa lầu là một trụ tròn, cao đến đỉnh lầu, là chỗ để cắm cán cờ. Toàn bộ cột cờ cao 33,4m. Nếu kể cả trụ treo cờ thì trên 41m.

Cột cờ đã chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử của dân tộc trải qua bao thế kỷ. Khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công mang lại nền dân chủ cộng hoà Việt Nam, lần đầu tiên, trên cột cờ lá cờ đỏ sao vàng tung bay phấp phới giữa trời.

Hiện Cột cờ Hà Nội nằm trong khuôn viên của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam (trước đây là Bảo tàng Quân đội), trên đường Điện Biên Phủ, quận Ba Đình.



Thành cổ Hà Nội

Địa chỉ: Quận Ba Đình.

Thành cổ Hà Nội là một khái niệm tương đối rộng và tùy theo cách hiểu của mỗi người nó có thể bao gồm những thành phần khác nhau. Chưa có một định nghĩa thống nhất cho cụm từ này. Theo cách hiểu của người viết bài, Thành cổ Hà Nội bao gồm Hoàng thành Thăng Long qua các thời kỳ Lý, Trần, Lê và thành Hà Nội dưới triều Nguyễn.

Mùa thu năm 1010, sau khi công bố Thiên đô chiếu, Lý Công Uẩn cùng các quần thần đã gấp rút xây dựng những công trình cơ bản của kinh thành Thăng Long. Đến đầu năm 1011 thì hoàn thành. Khi mới xây dựng, kinh thành Thăng Long được xây dựng theo mô hình Tam trùng thành quách gồm: vòng ngoài cùng gọi là La thành hay kinh thành, vòng thành thứ hai là Hoàng Thành,



giữa hai lớp thành này là nơi sinh sống của cư dân, lớp thành còn lại là Tử cấm thành hay Cấm thành hay Long Phượng thành là nơi ở của nhà vua. Các thời sau đều theo cách ấy mà phân chia.

Năm 1029, Lý Thái Tôn xây dựng lại toàn bộ khu cấm thành sau khi nơi đây bị tàn phá bởi vụ Loạn Tam vương. Trên nền cũ điện Cần Nguyên, Lý Thái Tôn cho dựng điện Thiên An làm nơi thiết triều. Hai bên tả hữu là điện Tuyên Đức và điện Thiên Phúc. Phía trước điện Diên An là sân Rồng có đặt một quả chuông lớn. Hai bên tả hữu sân Rồng có đặt gác chuông. Phía Đông, Tây sân Rồng là điện Văn Minh và điện Quảng Vũ, phía trước sân Rồng là điện Phụng Tiên, trên điện có lầu Chính Dương là nơi báo canh báo khắc. Sau điện Diên An là điện Thiên Khánh hình bát giác. Sau điện Thiên Khánh là điện Trường Xuân. Trên điện Trường Xuân có gác Đồ Long. Từ điện Thiên Khánh nối với điện Thiên An ở phía sau cầu có bắc cầu gọi là cầu Phượng Hoàng Năm 1203, vua Lý Cao Tôn bắt đầu một đợt xây dựng mới. Cung điện mới được xây ở phía Tây tấm điện. Bên trái dựng điện Dương Minh, bên phải dựng điện Chính Nghi, ở trên xây điện Kính Thiên, thêm gọi là Lê Giao. Ở giữa mở cửa Vĩnh Nghiêm, bên phải mở cửa Việt Thành, thêm gọi là Ngân Hồng. Đằng sau



xây điện Thắng Thọ. Bên trái xây gác Nhật Kim, bên phải xây gác Nguyệt Bảo, xung quanh dựng hành lang thêm gọi là Kim Tinh. Bên trái gác Nguyệt Bảo là tòa Lương Thạch, phía Tây xây gác Dục Đường (nhà tắm). Phía sau xây gác Phú Quốc, thêm gọi là Phượng Tiêu. Phía sau dựng cửa Thấu Viên, ao Dưỡng Ngư trên ao xây đình Ngoạn Y. Ba mặt đình có trồng hoa thơm cỏ lạ, nước thông với sông. Ngoài ra các cung điện khác cũng được xây dựng liên tục, không đời nào không có, không mấy năm không có. Mỗi cung điện thường đều có tường bao xung quanh và làm cửa thông với cung điện khác. Ngoài cung điện, các vị vua nhà Lý còn cho xây dựng nhiều công trình văn hóa tín ngưỡng khác để phục vụ cho vua và hoàng tộc như: đền Quan Thánh, chùa Chân Giáo (nơi vua Lý Huệ Tôn đã tu hành), đài Chúng Tiên dựng năm 1161 tảng trên lớp ngói bạc, hồ ao làm cảnh cũng được lập khá nhiều trong Hoàng Thành. Năm 1049, đào hồ Kim Minh vạn tuế, đắp núi đá cao ba ngọn trên mặt hồ và xây cầu Vũ Phượng đi vào, 10 năm sau lại xây thêm điện Hồ Thiên bát giác ở đấy. Năm 1051 đào hồ Thụy Thanh, hồ Ứng Minh. Năm 1098, đào hồ Phượng Liên và xây tại đây điện Sùng Uyên, bên trái lập điện Huy Dương, đình Lai Phượng bên phải dựng điện Ánh Thiềm, đình Át Vân, phía trước xây lầu Trường Minh, phía sau bắc



cầu Ngọa Hoa. Nhiều vườn ngự cũng được dựng nên trong Hoàng Thành. Mùa thu năm 1048, mở luôn 3 vườn ngự: vườn Quỳnh Lâm, vườn Thắng Cảnh và vườn Xuân Quang. Năm 1065, mở thêm vườn Thượng Lâm. Giữa thế kỷ XIV lại dựng một vườn ngự nữa nối liền với hậu cung. Theo sử cũ còn ghi giữa vườn có đào một cái hồ lớn: "Trong hồ chất đá làm núi, trên bờ hồ trồng thông, trúc và nhiều thứ kỳ hoa diệu thảo khác thêm vào đấy là chim quý thú lạ. Bốn mặt khai cho sông nước thông vào, gọi hồ ấy là hồ Lạc Thanh Trì. Về phía tây hồ trồng hai cây quế, dựng một tòa điện gọi là điện Lạc Thanh. Lại đào các hồ nhỏ khác, bắt người ở Hải Đông chở nước mặn chứa vào hồ ấy, để nuôi các loài hải sản như đồi mồi cá biển và các loại ba ba. Rồi bắt người Hóa Châu bắt cá sấu thả vào đấy. Lại có hồ Thanh Ngự để nuôi cá Thanh Phụ (cá diếc đuôi đỏ vẩy biếc)... Lại làm dãy hành lang ở tây điện thẳng đến cửa Hoàng Phúc, dựng dãy Trường Lang từ gác Nguyên Huyền đến cửa Đại Triều phía tây.

Sau khi chiến thắng giặc Minh, Lê Lợi vẫn đóng đô ở Thăng Long nhưng đổi tên là Đông Đô rồi Đông Kinh (1430). Về cơ bản Đông Đô thời Lê không khác nhiều Thăng Long đời Lý, Trần, Hồ chỉ có điều cung điện đền đài đã bị phá phách hết



cả. Nhà Lê mới dần dần sửa chữa xây dựng thêm.

Từ năm 1490 cho đến thế kỷ XVI kinh thành mới có nhiều thay đổi. Trong thời gian này tường Hoàng thành cũng như Đại La thành luôn được xây đắp mở rộng thêm ra. Năm 1490, để đề phòng những nạn loạn đảng như Nghi Dân đang đem trèo tường vào giết Lê Nhân Tôn ở trong cung, Lê Thánh Tôn cho xây lại Hoàng thành mở rộng thêm 8 dặm nữa. Công việc xây dựng trong 8 tháng mới xong. Trong Hoàng thành, Lê Thánh Tôn cũng cho xây thêm cung điện và lập vườn Thượng Lâm để nuôi bách thú. Năm 1512, Lê Tương Dực giao Vũ Như Tô đứng ra trông nom việc dựng hơn 100 nóc cung điện nguy nga, lại khởi công làm Cửu Trùng Đài mà sử cũ miêu tả là tuy chưa hoàn thành mà bóng rợp nửa hồ Tây. Năm 1514, Lê Tương Dực mở rộng Hoàng thành thêm mấy nghìn trượng (mỗi trượng là 3,6m) bao bọc cả điện Tường Quang, quán Trấn Vũ và chùa Kim Cổ Thiên Hoa. Từ năm 1516 đến năm 1527 là năm nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, kinh thành Thăng Long chìm trong loạn lạc. Hầu hết các cung điện kho tàng đền chùa cũng như phường phố bị thiêu đốt tàn phá nhiều lần. Trong nửa cuối thế kỷ XVI, cục diện Nam Bắc triều với một bên là nhà Mạc và một bên là Lê-Trịnh diễn ra quyết liệt với ưu thế ngày càng



thuộc về phe Nam triều. Họ Trịnh lần lượt chiếm được nhiều tỉnh phía Bắc như Ninh Bình, Hà Nam, Bắc Ninh... và đánh đến tận Thăng Long. Nhà Mạc phải rời bỏ kinh thành chạy lánh nạn nơi này nơi khác. Thăng Long ngày một điêu tàn. Đến năm 1585, không chịu nổi kiếp sống lưu vong trông kỳ như vậy, Mạc Mậu Hợp quyết định trở lại Thăng Long. Một đợt xây dựng đại quy mô lược khởi động. Từ đó về sau cũng không có lần nào Hoàng thành được xây dựng quy mô như thế nữa. Năm 1599 Trịnh Tùng đuổi được nhà Mạc lên Cao Bằng tiến về tiếp quản Thăng Long. Hoàng Thành được tu sửa trong một tháng để đón vua lê ra. Rồi từ ấy trở đi những cung điện mới xây c đều nằm trong phủ Chúa. Hoàng thành bị bỏ hoang phế nhiều.

Năm 1788, Lê Chiêu Thống cầu viện nhà Thanh, Tôn Sĩ Nghị đem đại quân 29 vạn người sang chiếm Thăng Long không tốn một hơi tên mũi đạn. Dựa thế quân Thanh, Lê Chiêu Thống điên cuồng trả thù họ Trịnh. Phủ chúa bị Lê Chiêu Thống đốt trụi cháy rông rã một tuần mới hết. Tất cả những gì liên quan đến chúa Trịnh ở Thăng Long bị phá sạch. Kinh thành lại một lần nữa ra tro. Đầu năm 1789, Quang Trung Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ ba đánh tan quân Thanh, Lê Chiêu



Thống chạy sang Trung Quốc, triều Hậu Lê kết thúc, Quang Trung định đô ở Phú Xuân. Thăng Long chỉ còn là Bắc thành. Năm 1802 sau khi tiêu diệt xong Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế. Kinh đô vẫn được đặt ở Phú Xuân. Thăng Long vẫn mang tên gọi là Thăng Long nhưng chữ "Long" là rỗng bị chuyển thành chữ "Long" nghĩa là thịnh vượng, ý rằng nhà vua không còn ở đấy. Đồng thời những gì còn sót lại của Hoàng Thành sau những trận đại hủy diệt cuối thế kỉ XVIII cũng lần lượt bị các đời vua nhà Nguyễn chuyển nốt vào Phú Xuân phục vụ cho công cuộc xây dựng kinh thành mới. Chỉ duy có điện Kính Thiên và Hậu Lâu được giữ lại làm hành cung cho các vua Nguyễn mỗi khi ngự giá Bắc thành. Năm 1805, Gia Long cho phá bỏ tường của Hoàng Thành cũ vì cho rằng đây chỉ còn là Trấn Bắc thành mà Hoàng thành Thăng Long thì rộng lớn quá. Gia Long cho xây dựng thành mới theo kiểu Vauban của Pháp. Về quy mô thì nhỏ hơn thành cũ nhiều. Năm 1831, trong cuộc cải cách hành chính lớn, Minh Mạng đã cho đổi tên Thăng Long thành tỉnh Hà Nội. Cái tên này tồn tại cho đến năm 1888 khi nhà Nguyễn chính thức nhượng hẳn Hà Nội cho Pháp. Người Pháp đổi Hà Nội thành thành phố. Đến khi chiếm xong toàn Đông Dương, họ lại chọn đây là thủ đô của Liên bang Đông Dương thuộc Pháp. Thành Hà



Nội bị phá đi hoàn toàn để lấy đất làm công sở và trại lính cho người Pháp. Ngoại trừ cửa Bắc và cột cờ những gì còn sót lại của thành Hà Nội đến hôm nay chỉ là di chỉ khảo cổ và phục dựng.

Khu khảo cổ 18 Hoàng Diệu

Di tích này bao gồm tầng dưới cùng là một phần bên phía đông của thành Đại La dưới thời Cao Biền, nhà Đường, tầng trên là cung điện nhà Lý và nhà Trần, tiếp theo là một phần trung tâm của đông cung nhà Lê và trên cùng là một phần của trung tâm tòa thành tỉnh Hà Nội thế kỷ 19.



Thành Cổ Loa

Địa chỉ: Xã Cổ Loa, huyện Đông Anh.

Đây là vùng đất đô thành của nước Âu Lạc, thế kỷ 3 trước Công nguyên, của triều đại An Dương Vương và là kinh đô đầu tiên của Nhà nước phong kiến độc lập với vua Ngô Quyền vào năm 939.

Cổ Loa là đất đế kinh

Trông ra lại thấy toà thành tiên xây.

Thành Cổ Loa do An Dương vương xây dựng, theo truyền thuyết có 9 lớp thành, nay chỉ còn dấu vết của ba lớp: Thành trong, thành giữa và thành ngoài lồng vào nhau. Cả ba vòng thành dài khoảng 16 km, rộng hơn 400ha. Sông Thiếp tức Hoàng Giang làm hào thiên nhiên bao quanh, trước còn nối với sông Hồng và sông Cầu, nên Cổ



Loa đã từng là cảng lớn của nước ta.

Với chiều cao trung bình của tường thành nay là 5m, mặt rộng từ 6 đến 12m, chân thành từ 20 đến 30m, chỉ tính 3 vòng thành còn lại khối lượng đất đắp đã trên 2 triệu m³, chứng tỏ Cổ Loa là một công trình xây dựng đồ sộ, một thành tựu lao động to lớn của nhân dân ta thời xưa. Về mặt quân sự, Thành Cổ Loa là một công trình phòng ngự kiên cố và lợi hại. Mặt ngoài thành dựng đứng như bức tường cản giặc. Mặt trong thoải thoải gần thành những bậc thang để quân lính đi lại tuần tra canh gác và vận động lên mặt thành nhanh chóng. Phía ngoài sát chân thành có hào sâu nối với sông Hoàng trở thành những đường vận chuyển của quân thủy rất lợi hại.

Cấu trúc của thành Cổ Loa cũng đặc biệt. Thành trong cùng là một hình chữ nhật cân xứng. Còn hai vòng thành ngoài không có hình dáng rõ rệt, khoảng cách giữa các vòng cũng không đều, cho nên nhìn chung như xoáy ốc vì vậy mà có tên là Loa thành (Thành ốc). Những di tích phụ thuộc vào thành cổ còn có Gò Cột Cờ, Ngự Xạ Đài, Gò Đống Sắn, Gò Đống Chuông, Gò Đống Giá, Gò Pháo Đài... những vọng gác được gọi là "hoi hoi" và dấu vết các cửa thành.



Truyền thuyết kể rằng: Khi xây Thành ốc cứ đắp thành cao lại đổ phải nhờ có Trấn Tiên Huyền Vũ trừ yêu gà trắng, thành mới xây xong. Sau lại có thần Kim Quy hiện lên ở sông Hoàng, chỗ này có chiếc cầu đá vào chợ Sa, Thần cho móng làm lấy nỏ thần để giữ nước.

Sau 50 năm trị vì, vua Thục mắc mưu Triệu Đà cho con là Trọng Thủy sang cầu hôn công chúa My Châu và ở rể. Trọng Thủy đánh cắp nỏ thần để vua cha đem quân sang cướp nước Âu Lạc. Ngày quân Triệu chiến thắng cũng là ngày bị thảm của mối tình My Châu - Trọng Thủy.

Quần thể Thành Cổ Loa hiện nay gồm có: Đền Thục An Dương Vương; Giếng Ngọc; Am Bà Chúa.



Thành Thăng Long

Địa chỉ: Nằm giữa các đường phố Hoàng Diệu, Hoàng Văn Thụ, Độc Lập, Bắc Sơn.

Thành Thăng Long được triều Lý xây từ thế kỷ 11, khi Lý Công Uẩn dời đô về Thăng Long. Thành Thăng Long được xây dựng trọng phạm vi thành Đại La nhưng có chu vi nhỏ hơn. Cũng giống như các thành cổ khác, thành Thăng Long có cấu trúc tam trùng thành quách, bao gồm 3 lớp:

Lớp ngoài cùng có tên là Kinh thành, được đắp bằng đất, là nơi dân cư sinh sống với các ngành nghề thủ công và hoạt động thương nghiệp và còn là nơi bảo vệ vành ngoài.

Tiếp theo là Hoàng thành hay khu triều chính. Đây là nơi ở và làm việc của các quan lại cao cấp trong triều đình.



Lớp cuối cùng là Tử Cấm thành. Đây là nơi dành cho vua, hoàng hậu và cung tần mỹ nữ ở. Tử Cấm thành có nhiều tên gọi khác nhau qua các triều đại: Cung thành (thời nhà Lý), Long Phượng thành (thời nhà Trần) và Cấm thành (thời nhà Hậu Lê).

Các tường thành liên hệ với nhau bằng các cửa ô. Tử Cấm thành nối với Hoàng thành duy nhất bằng cửa Doan Môn. Hoàng thành nối với Kinh thành bằng rất nhiều cửa nhưng hiện nay chỉ còn lại cửa Bắc Môn. Ô Quan chưởng là cửa ô còn sót lại hiện nay thuộc mạng lưới các cửa ô liên hệ giữa Kinh thành và Hoàng thành.

Theo Luật di sản văn hoá, trước khi thực hiện dự án xây dựng Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình, trên khu vực nằm giữa các đường phố Hoàng Diệu, Hoàng Văn Thụ, Độc Lập, Bắc Sơn, Chính phủ cho phép Viện Khảo cổ học tiến hành khai quật trên diện rộng. Từ tháng 12/2002 đến nay, đã khai quật trên diện tích hơn 19.000m². Đây là quy mô khai quật khảo cổ học lớn nhất ở Việt Nam và cũng vào loại lớn nhất ở Đông Nam á. Từ đó đã phát lộ một phức hệ di tích – di vật rất phong phú, đa dạng từ thành Đại La (thế kỷ VII - IX) đến thành Thăng Long (thế kỷ XI -XVIII) và thành Hà Nội (thế kỷ XIX).



Thành cổ Sơn Tây

Địa chỉ: Thị xã Sơn Tây.

Thành cổ Sơn Tây là một tòa thành quin sự kiến trúc bằng gạch đá ong (là loại vật liệu xây dựng đặc thù của vùng Sơn Tây). Thành được xây dựng vào năm 1822 triều vua Minh Mạng nhà Nguyễn, tại thủ phủ của trấn Sơn Tây (sau là tỉnh Sơn Tây). Thành đồng thời từng là thủ phủ của vùng Tam tuyên (3 tỉnh Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang thời nhà Nguyễn), vì Tổng đốc Tam uyên cũng thường kiêm lý Tuần phủ Sơn Tây và lý sở Tổng đốc Tam tuyên chính là thành Sơn Tây. Thành cổ này, trong khoảng thập kỷ 70 - 80 của thế kỷ XIX, là một trung tâm phòng bị kháng chiến chống Pháp của quan lại triều đình nhà Nguyễn (với những nhân vật lãnh đạo như: Hoàng Kế Viêm, Lưu Vĩnh Phúc,...). Ngày nay, tòa thành này vẫn còn tồn tại ở trung tâm thị xã Sơn Tây, Hà Nội



và trở một di tích lịch sử và kiến trúc quân sự.

Thành cổ Sơn Tây được kiến trúc theo kiểu Vauban (kiểu công trình quân sự lấy theo tên kỹ sư Vauban người Pháp), tường thành chạy theo đường gãy khúc, nhưng tổng thể có hình vuông, mỗi cạnh dài khoảng 400 m, diện tích khoảng 16 ha, chiều cao tường thành khoảng 5 m. Ngoài thành là hào nước sâu 3 m, rộng tới 20 m và dài khoảng 1.795 m, được nối ra sông Tích Giang tại góc thành phía Tây Nam (bởi cổng Ba Quân), bốn mặt thành có các cổng vòm bằng đá ong. Thành nằm giữa thị xã Sơn Tây, trên phần đất của hai làng cổ là Thuận Nghệ và Mai Trai, cách trung tâm Hà Nội khoảng 42 km. Thành có 4 cửa quay ra các hướng Bắc (chính xác là hướng Bắc Đông Bắc), Nam, Tây, Đông, và lần lượt có tên là: cửa Hậu, cửa Tiền, cửa Hữu, cửa Tả. Hai cửa chính là cửa Tiền và cửa Hậu, có cầu bắc qua hào nước, dẫn vào cổng thành. Trục kiến trúc chính của thành là trục nối hai cửa Tiền và Hậu, theo hướng Bắc Đông Bắc - Nam Tây Nam.



Bảo tàng Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Bảo tàng Hồ Chí Minh được xây dựng ở phía sau Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, mặt chính hướng ra đường Hùng Vương.

Bảo tàng Hồ Chí Minh là một bảo tàng vào loại lớn nhất của Việt Nam. Bảo tàng tập trung chủ yếu vào việc trưng bày những hiện vật, tư liệu về cuộc đời và con người Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bảo tàng nằm trong khu vực có nhiều di tích như: Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Khu di tích Phủ Chủ tịch, chùa Một Cột... tạo thành một quần thể các di tích thu hút khách thăm quan trong và ngoài nước. Bảo tàng Hồ Chí Minh là một công trình văn hoá lớn được xây dựng theo nguyện vọng của toàn thể nhân dân Việt Nam để tưởng niệm vị lãnh tụ vô cùng kính yêu của mình - Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng Giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất. Công trình được khánh thành ngày



19/5/1990, đúng vào kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây cũng là thể hiện lòng biết ơn và đời đời ghi nhớ công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quyết tâm của nhân dân Việt Nam kế tục trung thành sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người, đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, hợp tác và hữu nghị với nhân dân thế giới.



Bảo tàng lịch sử Quân sự Việt Nam

Địa chỉ: 28A Điện Biên Phủ, quận. Ba Đình.

Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, trước đây gọi là Bảo tàng Quân đội, là viện bảo tàng về lịch sử quân sự Việt Nam, mở cửa lần đầu vào dịp kỷ niệm 15 năm thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22 tháng 12 năm 1959) trên diện tích đất khoảng 10.000m². Diện tích trưng bày là 2.000m².

Bảo tàng trưng bày những hiện vật và tài liệu giới thiệu quá trình ra đời và trưởng thành của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

Nội dung trưng bày chia làm 6 phần:

- Lịch sử của dân tộc và sự ra đời của Quân



đội Nhân dân Việt Nam

- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
- Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ
- Quân đội Việt Nam tiến lên chính quy hiện đại
- Quân dân một lòng - bách chiến bách thắng
- Khu trưng bày ngoài trời có máy bay, xe tăng, trọng pháo, thiết giáp, tên lửa, súng cối, bom... đều là những hiện vật có kích thước lớn.

Bảo tàng còn trưng bày những bản đồ, sa bàn về chiến dịch Điện Biên Phủ, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, những hiện vật quý về các trận đánh và những chiến sỹ anh hùng trong lực lượng vũ trang.



Bảo tàng Mỹ thuật

Địa chỉ: Số 66, đường Nguyễn Thái Học quận Ba Đình.

Là nơi lưu giữ và trưng bày các tác phẩm, mỹ thuật có giá trị của các họa sĩ, nhà điêu khắc của Việt Nam qua nhiều thế hệ. Giới thiệu quá trình hình thành và phát triển của Mỹ thuật Việt Nam.

Từ ngày 24/6/1966, Viện Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam chính thức đi vào hoạt động. Với khoảng 1 vạn tác phẩm, hiện vật gốc, hiện vật phục chế, phiên bản, tranh ảnh, bảo tàng trưng bày tại 16 phòng với nội dung:

- Mỹ thuật các dân tộc trong đại gia đình tổ quốc Việt Nam

- Mỹ thuật Việt Nam thời đại nguyên thủy và cổ đại (thời đại đá mới, thời đại đồ đồng và sơ kỳ đồ sắt)



- Mỹ thuật Việt Nam thời phong kiến (thế kỷ 11 - 18)

- Nghệ thuật điêu khắc cổ Việt Nam (những tác phẩm tiêu biểu từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 19).

- Tranh dân gian Việt Nam

- Mỹ thuật ứng dụng và mỹ thuật trang trí dân gian Việt Nam

- Mỹ thuật Công nghệ Việt Nam hiện đại

- Mỹ thuật Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8/ 1945

- Mỹ thuật Việt Nam giai đoạn chống Pháp (1946 - 1954)

- Mỹ thuật Việt Nam từ năm 1954 đến nay.

Ngoài ra, Bảo tàng còn có những sưu tập từ các triển lãm mỹ thuật chuyên đề từ Trung ương đến địa phương như nghệ thuật điêu khắc đá cổ Việt Nam, nghệ thuật thời đại đồ đồng, nghệ thuật gốm cổ Việt Nam, tranh dân gian, tranh các dân tộc ít người, tranh sơn mài, sơn dầu, điêu khắc. Một số sưu tập nghệ thuật thế giới cổ đại và cận - hiện đại qua các phiên bản...



Bảo tàng Cách mạng Việt Nam

Địa chỉ: Số 25 Tông Đản, 216 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm.

Bảo tàng Cách mạng Việt Nam là nơi tái hiện lịch sử đấu tranh hàng trăm năm qua của nhân dân Việt Nam chống Pháp, chống Nhật, chống Mỹ, chống phong kiến, dành lại nền độc lập tự do cho Việt Nam.

Tháng 12 năm 1954, sau hai tháng trở về Thủ đô, Hội đồng chính phủ quyết định xây dựng Viện Bảo tàng Cách mạng. Từ đây việc thu thập hiện vật được tiến hành trên khắp miền Bắc và tới ngày mừng 6 tháng 1 năm 1959, Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam làm lễ khánh thành.

Nơi đây nguyên là Sở Thương binh Việt Nam cũ, mặt chính quay ra đường Trần Quang Khải, mặt sau là phố Tông Đản. Sau khi cải tạo gồm 29



phòng, trưng bày trên 4 vạn hiện vật. Phòng đầu tiên giới thiệu chung về con người và đất nước Việt Nam, phòng cuối cùng giới thiệu tình đoàn kết của thế giới với nước ta. 27 phòng khác trưng bày hiện vật về cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống thực dân Pháp, chống phát xít Nhật, chống đế quốc Mỹ, từ thế kỷ XIX đến mùa xuân năm 1975.

Tại đây có những bộ sưu tập rất quý về hoạt động Cách mạng của Bác Hồ và các lãnh tụ khác, các sách báo của Đảng(1920-1945), cờ Đảng năm 1930, cờ đỏ sao vàng năm 1941... Sưu tập vũ khí trong đó đặc biệt có lưỡi mác của đội xích vệ ở Nghệ An năm 1930, súng khai hậu của du kích Bắc Sơn năm 1941, bệ phóng tên lửa bắn tan xác máy bay Mỹ B52 trên trời Hà Nội tháng 12 năm 1972.



Bảo tàng dân tộc học

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Huyền, quận Cầu Giấy.

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam được khai trương vào cuối năm 1997. Ngay từ khi ra đời, nơi đây đã thực sự thu hút sự quan tâm của nhiều khách du lịch và các nhà nghiên cứu văn hoá, dân tộc học trong nước và quốc tế.

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam do kiến trúc sư Hà Đức Linh (người dân tộc Tày, Công ty Xây dựng nhà ở và công trình công cộng, Bộ Xây dựng) thiết kế. Nội thất công trình do bà kiến trúc sư Véronique Dollfus (người Pháp) thiết kế. Bảo tàng gồm hai khu vực chính: Trong nhà và ngoài trời. Khu vực trong nhà bao gồm các khối nhà: Nhà trưng bày, cơ sở nghiên cứu, thư viện, hệ thống kho bảo quản, hệ thống các bộ phận kỹ



thuật, hội trường... Các khối nhà này liên hoàn với nhau, có các lối đi hợp lý, với tổng diện tích 2.480m², trong đó 750m² dành cho kho bảo quản hiện vật. Khu trưng bày ngoài trời sẽ được hoàn thành vào những năm đầu thế kỷ XXI.

Bảo tàng Dân tộc học lưu giữ 10.000 hiện vật, 15.000 ảnh đen trắng, hàng trăm băng video, băng cát set phản ánh mọi mặt đời sống, sinh hoạt, phong tục, tập quán của 54 dân tộc trên khắp đất nước Việt Nam. Du khách đến đây có thể hiểu rõ hơn sự đa dạng, đặc sắc văn hoá của từng dân tộc, từng vùng cũng như giá trị truyền thống chung của các dân tộc Việt Nam thông qua các hiện vật trưng bày mà chủ yếu là hiện vật gốc được bố trí một cách đơn giản không cầu kỳ để người xem có thể cảm thụ nhiều nhất cái hay, cái đẹp, cái tinh tế trong đời sống văn hoá của mỗi dân tộc Việt Nam.

Hiện vật trưng bày được sắp xếp, bố trí một cách khoa học, dễ hiểu, dễ cảm thụ. Khu trưng bày thường xuyên trong nhà có diện tích 2.500m² (bao gồm 2 tầng) được chia làm 9 phần:

- Giới thiệu chung
- Giới thiệu dân tộc Việt (Kinh)
- Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày, Thái và



Ka dai

- Các dân tộc nhóm ngôn ngữ H' Mông, Dao, Tạng, Sán Dìu, Ngái
- Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn — Khmer
- Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Nam Đảo
- Các dân tộc Chăm, Hoa, Khmer
- Giao lưu, hội nhập giữa các dân tộc
- Bảo tàng Dân tộc học là bảo tàng thu hút được đông đảo khách tham quan, nghiên cứu trong và ngoài nước.



Bảo tàng Hà Nội

Địa chỉ: Mỹ Đình, huyện Từ Liêm.

Bảo tàng Hà Nội được thành lập từ năm 1982 theo quyết định của UBND Thành phố Hà Nội. Căn cứ vào tính chất của Bảo tàng và đặc điểm của Thủ đô, nội dung nghiên cứu trưng bày của Bảo tàng Hà Nội được chia làm 3 phần như sau:

- Lịch sử thiên nhiên Hà Nội.
- Lịch sử Hà Nội từ khi dựng nước đến trước Cách mạng tháng Tám.
- Lịch sử Hà Nội từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay.

Hiện nay, trong kho Bảo tàng Hà Nội đang lưu trữ khoảng 16.000 hiện vật, trong đó riêng kho cổ vật quý hiếm đã chiếm tới hơn 7.000 hiện vật với đủ loại hình và chất liệu khác nhau. Nếu chỉ



tính riêng các sưu tập hiện vật văn hoá khảo cổ học đã chiếm tới hơn 2.000 hiện vật, là những sưu tập hiện vật bảo tàng rất có giá trị về khoa học và lịch sử. Hà Nội là một trung tâm quân sự của người Việt cổ. Điều này được thể hiện ở kết quả nghiên cứu các giai đoạn văn hoá khảo cổ được diễn biến và phát triển liên tục qua các cuộc khai quật khảo cổ ở các di chỉ như Đồng Vông, Xuân Kiều, Bãi Mèn, Tiên Hội, Đình Chàng, Đường Mây... Khu di tích Cổ Loa là ruột kho lưu trữ lớn. Các hiện vật bảo tàng ở đây có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam, Vải minh Đông Sơn trong buổi đầu dựng nước.

Ngày 19/5/2008, Bảo tàng Hà Nội đi chính thức được khởi công xây mới tại đường Phạm Hùng (Mễ Trì, Từ Liêm, HN). Đây là công trình quan trọng hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, dự định sẽ hoàn tất trước ngày 30/4/2010.

Công trình Bảo tàng Hà Nội được xây dựng trên tổng diện tích: 53.963m², cạnh Trung tâm Hội nghị Quốc gia. Công trình có chiều cao 30,7m, gồm 4 tầng nổi và 2 tầng hầm; diện tích xây dựng công trình khoảng 11.925m², diện tích sàn xây dựng 30.208m² (kể cả diện tích tầng hầm và tầng mái).



Công trình có 2 tầng hầm được bố trí 2 phòng họp và các phòng kỹ thuật phục vụ (tầng hầm 2 có chiều cao 5,5m, tầng hầm 1 có chiều cao 5,0m). Tầng 1 có chiều cao 6m bố trí 1 tiền sảnh là lối vào chính khu triển lãm, các khu trưng bày tạm thời và 1 khu giải khát.

Từ tầng 2 đến tầng 4 sẽ bố trí không gian trống linh hoạt cho việc thiết lập các khu trưng bày triển lãm các hiện vật của Bảo tàng, riêng tầng 4 còn bố trí thêm khu văn phòng hành chính cho đơn vị quản lý Bảo tàng. Công trình được thiết kế 3 thang máy, 4 thang bộ.

Hình dáng của Bảo tàng Hà Nội có kết cấu hình kim tự tháp ngược, trong đó tầng 4 có diện tích lớn nhất, các tầng dưới nhỏ dần. Công trình có đầy đủ các công trình liên hoàn điện, nước, cảnh quan công trình (cây xanh, hệ thống cấp điện, chiếu sáng, cấp thoát nước ngoài nhà)...

Bảo tàng Hà Nội được thiết kế bởi Cty LD GMP International GmbH-Inros Lackner AG (CH Liên bang Đức). Đây cũng là đơn vị đã thực hiện thiết kế khu Trung tâm Hội nghị Quốc gia.



Bắc Bộ Phủ

Địa chỉ: Số 12, Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm.

Thời thuộc Pháp là Phủ thống sứ Bắc Kỳ. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9.3.1945), đổi thành Phủ khâm sai Bắc Kỳ. Trong ngày tổng khởi nghĩa (19.8.1945) ở Hà Nội, các lực lượng cách mạng đã tiến công và chiếm giữ. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ lâm thời về làm việc tại đây trong một thời gian ngắn và đổi tên thành Bắc Bộ phủ. Sau ngày giải phóng Hà Nội (1954), Bắc Bộ phủ được sửa sang lại và trở thành Nhà khách của Chính phủ.



Gò Đống Đa

Địa chỉ: Phố Sơn Tây, quận Đống Đa.

Gò Đống Đa là một gò nằm bên đường phố Tây Sơn, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tại đây năm 1789 quân Tây Sơn đã đại phá và đánh thắng quân Thanh trong trận Ngọc Hồi - Đống Đa.

Sau chiến thắng, vua Quang Trung cho thu nhặt xác giặc xếp vào 12 cái hố rộng, lấp đất chôn và đắp cao thành gò nhằm biểu dương chiến công của quân và dân nước nhà cũng như để cảnh cáo các lực lượng xâm lược.

12 gò này nằm giải rác từ làng Thịnh Quang đến làng Nam Đồng, trên các gò cây cối mọc um tùm nên có tên là Đống Đa. Năm 1851, do mở đường mở chợ, đào xẻ nhiều nơi thấy nhiều hài cốt, lại cho thu vào một hố cao lên nối liền với



núi Xưa, thành gò thứ 13, tức là gò còn lại hiện nay. Còn 12 gò khác đã bị phạt di trong thời gian người Pháp mở rộng Hà Nội năm 1890.

Chiến thắng Đống Đa cùng với chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa dưới sự chỉ huy của Quang Trung đã phá tan 20 vạn quân Thanh, giải phóng thành Thăng.

Hàng năm cứ vào ngày mùng 5 Tết, nhân dân thường tổ chức hội gò Đống Đa để ôn lại những sự kiện lịch sử đã diễn ra tại nơi đây, đặc biệt có tục rước rồng lửa đã thành lễ hội truyền thống của người Hà Nội.



Tượng đài Lý Thái Tổ Vườn hoa Chí Linh

Địa chỉ: Nằm giữa phố Đinh Tiên Hoàng – Lê Lai – Lê Thạch, quận Hoàn Kiếm.

Vườn hoa Chí Linh từng mang tên Vườn hoa Paul Bert (do thực dân Pháp đặt). Tới năm 1945, Đốc lý Hà Nội là ông Trần Văn Lai quyết định thay đổi hoàn toàn các tên phố và vườn hoa từ tên tiếng Pháp bằng các danh nhân Việt. Đốc lý Lai ý thức được khu vườn hoa Chí Linh, Bờ Hồ liên quan đến truyền rùa thần trả gươm cho Lê Lợi. Do vậy, những tuyến phố quanh khu vực này vinh dự được mang danh các vị anh hùng: Nguyễn Xí, Trần Nguyên Hãn, Lê Lai, Đinh Lễ, Đinh Liệt... là các danh tướng của phong trào Lam Sơn.

Phía Tây tỉnh Thanh Hoá (quê hương của Lê Lợi) có một vùng được gọi theo tiếng dân tộc Thái



là Pù Linh (chuyển sang tiếng Việt là Chí Linh). Đây chính là nơi trong thời gian khởi đầu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Lê Lợi đã mấy lần phải lui quân về lánh nạn. Núi rừng Pù Linh cũng chính là nơi diễn ra vụ Lê Lai đóng giả Lê Lợi. Bởi vậy, Đốc Lai quyết định đổi tên Vườn hoa Paul Bert thành Vườn hoa Chí Linh.

Tượng đài Lý Thái Tổ đặt tại vườn hoa Chí Linh, nhìn ra hồ Hoàn Kiếm, trung tâm thủ đô Hà Nội; khánh thành ngày 7/10/2004, do nhà điêu khắc Vi Thị Hoa sáng tác, Công ty TNHH Mỹ nghệ Đoàn Kết tỉnh Nam Định thực hiện bằng đồng nguyên chất, đúc liền khối, nặng 32 tấn (tượng 12 tấn, bệ 20 tấn), cao 10,1 m (tượng cao 6,8m, bệ cao 3,3m), là một công trình kiến trúc văn hoá đẹp, nhằm tôn vinh vị vua Lý Thái Tổ (974 - 1028), người khởi lập và tạo dựng nên mảnh đất ngàn năm văn hiến, đồng thời là công trình chào mừng 50 năm giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2004), tiến tới kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội (1010 - 2010).



Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Địa chỉ: Phường Văn Miếu, quận Đống Đa.

Theo *Dại Việt sử ký*, vào mùa thu năm Canh Tuất - 1070, Vua Lý Thánh Tông đã cho khởi công xây dựng Văn Miếu để thờ các bậc tiên thánh tiên hiền, các bậc nho gia có công với nước, trong đó có thờ Khổng Tử - người sáng lập ra nền nho giáo phương Đông và Tư nghiệp Quốc Tử Giám Chu Văn An, người thầy tiêu biểu đạo cao, đức trọng của nền giáo dục Việt Nam.

Sáu năm sau - năm 1076, Vua Lý Nhân Tông quyết định khởi xây Quốc Tử Giám - một trường Nho học cao cấp nhất hồi bấy giờ nhằm đào tạo nhân tài cho đất nước. Đây là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng đánh dấu sự chọn lựa đầu tiên của triều đình phong kiến Việt Nam về vấn đề giáo dục, đào tạo con người Việt Nam theo mô



hình Nho học châu Á.

Tọa lạc trên khuôn viên hơn 54.000m² khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám nằm giữ bốn dãy phố, cổng chính ở đường Quốc Tử Giám (phía Nam), phía Bắc giáp đường Nguyễn Thái Học, phía Đông giáp phố Tôn Đức Thắng, phía Tây là phố Văn Miếu. Bên ngoài có tường vây bốn phía, bên trong chia làm 5 khu vực.

Khu vực 1 gồm có Văn hồ (hồ văn); Văn Miếu môn, tức cổng tam quan ngoài cùng, cổng có ba cửa, cửa giữa to cao và xây hai tầng, tầng trên có ba chữ Văn Miếu môn.

Khu vực thứ hai, từ cổng chính đi thẳng vào cổng thứ hai là Đại Trung môn, bên trái là Thái Học môn, bên phải có Đạt Tài môn. Tiếp trong là Khuê Văn Các (được xây dựng vào năm 1801).

Khu vực 3 là giếng Thiên Quang (Thiên Quang tỉnh có nghĩa là giếng trời trong sáng. Tại khu vực này có 82 bia Tiến sĩ dựng thành hai hàng, mặt bia quay về giếng, là một di tích thật sự có giá trị.

Qua cửa Đại Thành là vào khu vực thứ 4 cửa Đại Thành cũng mở đầu cho những kiến trúc chính như hai dãy Tả Vu và Hữu Vu, chính giữa



là Toà Đại Bái đường, tạo thành một cụm kiến trúc hình chữ U cổ kính và truyền thống. Xưa, đây là nơi thờ những vị Tổ đạo Nho.

Khu trong cùng là nơi giảng dạy của trường Quốc Tử Giám thời Lê, nhiều thế hệ nhân tài "nguyên khí của nước nhà" đã được rèn giũa tại đây. Khi nhà Nguyễn dời trường Quốc học vào Huế, nơi đây dùng làm đền thờ Khi Thánh (cha mẹ Khổng Tử), nhưng ngôi đền này đã bị hư hỏng hoàn toàn trong chiến tranh...

Bố cục của toàn thể Văn Miếu như vậy muộn nhất là cũng có từ đời Lê (thế kỷ 15 - thế kỷ 18). Riêng Khuê Văn Các mới được dựng khoảng đầu thế kỷ 19, nhưng cũng nằm trong quy hoạch tổng thể vốn có của những Văn Miếu (như Văn Miếu ở Khúc Phụ, Trung Quốc, quê hương của Khổng Tử, có đủ Đại Trung Môn, Khuê Văn Các, Đại Thành Môn, Đại Thành Điện, bia tiến sĩ...). Khuê Văn Các ở Văn Miếu Hà Nội thường là nơi tổ chức bình các bài văn thơ hay của các sĩ tử.

Hiện trong di tích còn có 82 tấm bia đá, trên đó được khắc tên của 1306 vị đã từng đỗ tiến sĩ trong 82 kỳ thi từ giữa năm 1484 và 1780. Cũng trên các tấm bia này đã ghi lại người đỗ tiến sĩ cao tuổi nhất trong lịch sử là ông Bàn Tử Quang.



Ông đỗ tiến sĩ khi 82 tuổi. Người trẻ nhất là Nguyễn Hiền, quê Nam Trực (Nam Định), đậu trạng nguyên năm Đinh Mùi niên hiệu Thiên ứng Chính bình thứ 16 (tức năm 1247) dưới triều Trần Thái Tông khi đó mới 13 tuổi. Từ đó Văn Miếu cùng Quốc Tử Giám - được coi là trường đại học đầu tiên của Việt Nam đã tồn tại đến thế kỷ 19.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã được tu sửa nhiều lần vào những năm 1484, 1511, 1536, 1762, 1785, 1805, 1863, 1888... Nhà tả vu và hữu vu được dựng lại thời Pháp thuộc. Kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội, Nhà nước ta đã cho xây dựng lại khu Thái học và chỉnh trang toàn bộ cảnh quan trong ngoài khu Văn Miếu.

Văn miếu - Quốc tử giám là khu di tích lịch sử mang đậm tiến trình văn hoá Việt Nam, bằng chứng về sự đóng góp vào nền văn minh mang ý nghĩa nhân văn của toàn thế giới.